

CTCP TẬP ĐOÀN
BAMBOO CAPITAL
BAMBOO CAPITAL
GROUP JSC



Số/No.: 53/2023/CBTT-BCG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 09 năm 2023
Ho Chi Minh City, September 07, 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN DISCLOSURE OF INFORMATION

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/*Hanoi Stock Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM/*HCM Stock Exchange*

Công ty/Company: Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital/*Bamboo Capital Group JSC*
Mã chứng khoán/*Securities Code*: BCG

Người thực hiện công bố thông tin/*Submitted by*: Ông (Mr.) Phạm Minh Tuấn

Chức vụ/*Position*: Phó Tổng Giám đốc/*Chief Operating Officer*

Địa chỉ/*Address*: 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM/*27C Quoc Huong, Thao Dien Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.*

Điện thoại/*Telephone*: (028) 62 680 680

Fax: (028) 62 9911 88

Loại thông tin công bố: 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Information disclosure type: 24 hours Requested Irregular Periodic

Nội dung công bố thông tin/*Content of Information disclosure*:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital (BCG) công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên 2023 đã được soát xét.

Bamboo Capital Group Joint Stock Company (BCG) announces the reviewed semi-annual Consolidated Financial Statement of 2023.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại website:
<https://bamboocap.com.vn/> mục Quan hệ Nhà đầu tư.



This information has been published on our company's website: <https://bamboocap.com.vn/> in Investor Relations section.

Tôi cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin công bố.

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN/
INFORMATION DISCLOSURE
REPRESENTATIVE**

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/

CHIEF OPERATING OFFICER



PHẠM MINH TUẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
BAMBOO CAPITAL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

-----***-----

Số: 82/2023/BCG

TP.HCM, ngày 07 tháng 9 năm 2023

V/v: Giải trình biến động kết quả
SXKD hợp nhất bán niên đã soát xét
năm 2023

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Căn cứ theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ký ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Công ty CP Tập đoàn Bamboo Capital (BCG) xin giải trình với Quý Sở, Quý Ủy ban về chênh lệch lợi nhuận sau thuế trong BCTC hợp nhất bán niên 2023 đã được soát xét như sau:

Đơn vị tính: đồng

Loại Báo cáo tài chính ("BCTC")	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (đồng)			
	Bán niên 2023	Bán niên 2022	Chênh lệch (1) so với (2)	Tỷ lệ chênh lệch (1) so với (2)
	(1)	(2)	(3)= (1) - (2)	(4)= (3)/(2)*100
BCTC hợp nhất bán niên đã được soát xét	175.676.868.049	845.819.090.002	(670.142.221.953)	(79.2%)

Giải trình của công ty như sau:

- **Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2023 đã được soát xét:** Lợi nhuận sau thuế đạt 175,7 tỷ đồng, giảm 79,2% so với cùng kỳ do doanh thu tài chính giảm vì các yếu tố thị trường chưa thuận lợi để thực hiện các hoạt động M&A trong khi phần lớn doanh thu nửa đầu năm 2022 đến từ các hoạt động này.



Công ty xin báo cáo để Quý Ủy ban và Sở được biết.

Xin trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP



PHẠM MINH TUẤN



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
BAMBOO CAPITAL**

*Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét
Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023*

Được soát xét bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Tel: 028.38205944 - Fax: 028.38205942



MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	03 - 05
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	08 - 11
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	12
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	13 - 14
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	15 - 73

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023.

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 27 ngày 07/10/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 5.334.676.220.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023: 5.334.676.220.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán "BCG".

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản). Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Lập trình máy vi tính. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi. Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan. Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán buôn cao su mủ cốm, phân bón (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp. Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Bán mô tô, xe máy. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. Cho thuê ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Sản xuất thảm, chăn, đệm. Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Bán buôn thực phẩm. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Khai thác gỗ. Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Bán lẻ phân bón. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium. Bảo hiểm phi nhân thọ.

4. Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2023 của Tập đoàn được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



5. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCG-BCG GAIA của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần BCG GAIA ("GAIA") về việc tăng vốn điều lệ trong công ty này, GAIA đã phát hành 23.776.296 cổ phần phổ thông cho Công ty Cổ phần BCG Energy với giá 28.487 đồng/cổ phiếu. Tuy nhiên, nếu trong trường hợp nhà đầu tư là Sembcorp Energy Vietnam Project I Pte. Ltd. hoàn tất mua 46.863.500 cổ phần phổ thông và 1.410.616 cổ phần ưu đãi mà GAIA sẽ phát hành thêm trong tương lai thì Công ty Cổ phần BCG Energy có nghĩa vụ sẽ phải thanh toán thêm cho GAIA số tiền là 135.464.997.748 đồng cho số lượng cổ phần đã mua này. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Sembcorp Energy Vietnam Project I Pte. Ltd. đã mua hết số lượng cổ phiếu ưu đãi như trên. Cùng đó, Công ty Cổ phần BCG Energy cũng đã thực hiện cản trừ số tiền phải thanh toán liên quan nghĩa vụ trên với khoản phải thu Công ty Cổ phần BCG GAIA về cho vay theo thỏa thuận cản trừ công nợ ngày 19 tháng 7 năm 2023.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

6. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và Đại diện pháp luật**Hội đồng Quản trị**

Ông	Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT
Ông	Nguyễn Thế Tài	Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám Đốc
Ông	Phạm Minh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám Đốc
Ông	Nguyễn Thanh Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám Đốc
Ông	Tan Bo Quan, Andy	Thành viên HĐQT
Ông	Nguyễn Tùng Lâm	Thành viên HĐQT
Ông	Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT độc lập
Ông	Phạm Nguyễn Thiên Chương	Thành viên HĐQT độc lập
Ông	Vũ Xuân Chiến	Thành viên HĐQT độc lập (bỏ nhiệm ngày 28/04/2023)
Ông	Đặng Đình Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập (bỏ nhiệm ngày 28/04/2023)
Ông	Bùi Thành Lâm	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 28/04/2023)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Lưu Xuân Thủy	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 26/04/2023)
Bà	Hoàng Thị Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/04/2023)
Ông	Phạm Hữu Quốc	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ông	Đông Hải Hà	Trưởng ban
Ông	Nguyễn Việt Cường	Thành viên
Ông	Kou Kok Yiow	Thành viên

Đại diện pháp luật

Ông	Nguyễn Hồ Nam
Ông	Nguyễn Thế Tài

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và thành viên Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện soát xét các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Hội đồng Quản trị của Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Tập đoàn tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị của Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị của Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

9. Cam kết khác

Hội đồng Quản trị cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 09 năm 2023

TM. Hội đồng Quản trị

Phó Chủ tịch HĐQT



Phạm Minh Tuấn

(Theo Giấy ủy quyền số 03/2023/UQ-BCG ngày 01/03/2023)

Số: 702/BCSX/TC/2023/AASCS

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital (gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2023, từ trang 08 đến trang 73, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023 kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc là tại Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ 2023 của Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land - do đơn vị kiểm toán khác phát hành ngày 07/09/2023 có đoạn vấn đề cần nhấn mạnh: "Liên quan đến các hợp đồng hợp tác kinh doanh có tổng giá trị là 2.550 tỷ đồng với ba công ty đối tác để đầu tư vào dự án Kinh Dương Vương ("Dự án"). Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty Cổ phần BCG Land, các đối tác hợp tác kinh doanh và chủ đầu tư Dự án đang làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để gia hạn chủ trương đầu tư và hoàn tất các thủ tục pháp lý để phát triển Dự án. Dự án này đã được chấp thuận chủ trương đầu tư và công nhận chủ đầu tư theo quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh số 401/UBND-ĐT ngày 23 tháng 01 năm 2017 và được Văn phòng Chính phủ kiến nghị Phó Thủ Tướng tiếp tục triển khai thực hiện. Do đó, khả năng thu hồi của khoản đầu tư này phụ thuộc vào sự phát triển thành công của dự án". Nội dung này được trình bày tại ghi chú (2) mục V.06 trang 40 thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm và không làm ảnh hưởng đến kết luận của báo cáo này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 09 năm 2023

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam



Tạ Quang Long

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0649-2023-142-I



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/06/2023	Ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.483.483.530.832	17.761.709.186.975
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	734.721.465.854	629.496.375.653
1. Tiền	111		663.521.465.854	540.796.375.653
2. Các khoản tương đương tiền	112		71.200.000.000	88.700.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.04	469.767.018.887	510.594.134.175
1. Chứng khoán kinh doanh	121		43.488.748.890	43.541.748.890
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		426.278.269.997	467.052.385.285
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.011.686.997.652	13.461.025.497.288
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	974.821.538.190	805.844.968.489
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	4.103.528.920.697	4.156.530.289.385
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	607.061.483.975	178.769.483.975
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	11.358.931.426.152	8.417.728.411.826
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.07	(32.747.248.990)	(97.936.214.038)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		90.877.628	88.557.651
IV. Hàng tồn kho	140	V.08	3.868.074.154.682	2.754.762.193.315
1. Hàng tồn kho	141		3.902.169.940.697	2.793.060.545.800
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(34.095.786.015)	(38.298.352.485)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		399.233.893.757	405.830.986.544
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13	170.265.446.140	59.914.273.264
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		225.064.233.309	342.369.166.568
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.16	3.904.214.308	3.547.546.712

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/06/2023	Ngày 01/01/2023
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.084.711.383.946	26.058.698.158.301
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.781.560.138.528	11.036.158.545.330
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03	56.400.000.000	56.400.000.000
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.05	-	50.000.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	5.725.160.138.528	10.929.758.545.330
II. Tài sản cố định	220		9.790.921.024.074	8.112.831.678.532
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	9.381.937.584.547	7.706.358.008.785
- Nguyên giá	222		10.885.034.982.082	8.899.057.038.021
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.503.097.397.535)	(1.192.699.029.236)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	18.058.147.719	11.043.524.438
- Nguyên giá	225		27.066.181.077	17.888.753.803
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(9.008.033.358)	(6.845.229.365)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	390.925.291.808	395.430.145.309
- Nguyên giá	228		447.342.444.915	446.657.218.165
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(56.417.153.107)	(51.227.072.856)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.09	1.535.325.674.588	2.617.616.475.893
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		41.300.000.000	41.300.000.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.494.025.674.588	2.576.316.475.893
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.04	3.358.968.997.473	3.694.273.964.370
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.661.832.582.654	3.452.319.693.819
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		579.369.156.293	126.119.156.293
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.212.741.474)	(1.144.885.742)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		118.980.000.000	116.980.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		617.935.549.283	597.817.494.176
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	242.107.531.198	210.679.868.799
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		145.967.455.388	140.781.838.981
5. Lợi thế thương mại	269		229.860.562.697	246.355.786.396
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		43.568.194.914.778	43.820.407.345.276

501172
CÔNG TY
TNHH
H VU TU
HÍNH KẾ
KIỂM T
PHIA NA
T.P.H

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/06/2023	Ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		28.966.282.172.469	30.021.280.555.257
I. Nợ ngắn hạn	310		17.433.485.633.692	11.380.169.032.120
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	1.881.583.823.261	1.981.773.747.641
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	3.641.832.840.152	3.259.131.147.761
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	314.952.874.267	265.277.761.505
4. Phải trả người lao động	314		25.956.252.480	32.150.747.905
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	552.382.451.439	542.831.418.466
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		10.067.850.810	10.127.380.682
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	3.589.113.026.068	1.916.981.921.631
10. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	320	V.20	7.070.042.494.164	3.035.520.410.292
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	342.893.154.840	330.545.000.866
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.660.866.211	5.829.495.371
II. Nợ dài hạn	330		11.532.796.538.777	18.641.111.523.137
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.14	249.700.431.312	191.037.276.046
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		16.047.818	18.454.994
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	4.047.245.730.171	6.547.555.089.529
8. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	338	V.20	6.855.846.963.102	11.687.767.631.941
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		377.753.147.980	213.008.644.651
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.19	2.234.218.394	1.724.405.975



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/06/2023	Ngày 01/01/2023
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		14.601.912.742.309	13.799.126.790.020
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	14.601.912.742.309	13.799.126.790.020
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		5.334.676.220.000	5.334.676.220.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.334.676.220.000	5.334.676.220.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		866.926.422.000	866.926.422.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		210.705.510.000	21.404.860.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.863.572.216	3.908.796.261
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		394.731.885	464.287.634
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		340.163.986.022	426.546.946.425
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		235.664.127.222	17.252.315.476
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		104.499.858.800	409.294.630.949
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		7.845.182.300.186	7.145.199.257.700
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		43.568.194.914.778	43.820.407.345.276

Người lập biểu

Huỳnh Minh Trường

Kế toán trưởng

Phạm Hữu Quốc

Lập, ngày 10 tháng 08 năm 2023

Phó Chủ tịch HĐQT



Phạm Minh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.878.496.507.089	2.175.926.231.526
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.01	62.961.088.269	42.069.941.054
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.815.535.418.820	2.133.856.290.472
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1.193.570.786.280	1.308.436.974.744
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		621.964.632.540	825.419.315.728
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.115.405.416.634	1.745.936.433.631
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	1.285.187.294.278	1.208.002.586.257
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		810.599.033.209	700.518.998.973
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		37.805.389.770	(7.340.140.082)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	96.470.400.392	109.027.711.393
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	190.283.937.675	236.637.009.440
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		203.233.806.599	1.010.348.302.187
12. Thu nhập khác	31	VI.07	36.441.068.881	30.992.626.161
13. Chi phí khác	32	VI.08	10.676.757.942	8.615.028.345
14. Lợi nhuận khác	40		25.764.310.939	22.377.597.816
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		228.998.117.538	1.032.725.900.004
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	55.129.658.590	247.288.999.595
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(1.808.409.101)	(60.382.189.593)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		175.676.868.049	845.819.090.002
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		133.809.008.053	518.728.701.851
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		41.867.859.995	327.090.388.151
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	251	1.145
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	251	1.145

Người lập biểu

Huỳnh Minh Trường

Kế toán trưởng

Phạm Hữu Quốc

Lập, ngày 10 tháng 08 năm 2023

Phó Chủ tịch HĐQT



Phạm Minh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		228.998.117.538	1.032.725.900.004
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		280.080.475.310	273.316.849.094
- Các khoản dự phòng	03		(56.975.521.813)	138.667.931.293
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		24.070.261.495	31.457.705.549
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(147.553.995.798)	(931.525.981.963)
- Chi phí lãi vay	06		815.417.526.545	703.178.998.977
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.144.036.863.277	1.247.821.402.954
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		2.229.261.331.604	(4.980.914.410.112)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		8.279.061.130	(245.073.143.868)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.103.798.759.498)	3.105.898.492.788
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(48.875.507.426)	(82.011.004.278)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		53.000.000	(300.000.000.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(914.181.037.326)	(613.975.533.516)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(26.563.486.503)	(103.924.429.958)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		513.000.000	5.960.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(12.881.208.339)	(8.266.213.636)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.275.843.256.919	(1.980.438.879.626)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(102.926.681.156)	(2.931.180.593.811)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		19.657.922.169	65.725.407.229
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(359.582.708.770)	(1.518.380.028.206)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		236.989.765.985	1.579.332.875.979
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(394.726.265.198)	(3.581.686.249.107)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		415.331.524.728	2.042.603.829.400
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		88.492.304.485	14.679.073.892
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(96.764.137.757)	(4.328.905.684.624)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		503.000.000	4.293.821.889.982
3. Tiền thu từ đi vay	33		3.112.509.045.824	5.226.585.422.254
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(4.183.159.637.842)	(3.335.879.538.766)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(3.785.044.264)	(2.199.660.178)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(85.098.706.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.073.932.636.282)	6.097.229.406.692
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		105.146.482.880	(212.115.157.558)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		629.496.375.653	1.044.039.648.431
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		78.607.321	352.769.650
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII	734.721.465.854	832.277.260.522

Người lập biểu

Huỳnh Minh Trường

Kế toán trưởng

Phạm Hữu Quốc

Lập, ngày 10 tháng 08 năm 2023

Phó Chủ tịch HĐQT



Phạm Minh Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY


1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 27 ngày 07/10/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 5.334.676.220.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023: 5.334.676.220.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán "BCC" 

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản). Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Lắp trình máy vi tính. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi. Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan. Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán buôn cao su mũ cốm, phân bón (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp. Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Bán mô tô, xe máy. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. Cho thuê ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Sản xuất thảm, chăn, đệm. Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Bán buôn thực phẩm. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Khai thác gỗ. Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Bán lẻ phân bón. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium. Bảo hiểm phi nhân thọ.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: Không có.

6. Số lượng nhân viên: Tại ngày 30/06/2023, toàn Tập đoàn có gần 1900 nhân viên.

7. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30/06/2023, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital có 01 (một) văn phòng đại diện, 09 (chín) Công ty con kiểm soát trực tiếp và 32 (ba mươi hai) Công ty con kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Ngoài ra, Công ty có 02 (hai) Công ty liên kết sở hữu trực tiếp và 08 (tám) Công ty liên kết sở hữu gián tiếp thông qua Công ty con.

Tổng số các Công ty con:

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất:	41 Công ty
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất:	0 Công ty
- Số lượng các Công ty liên kết hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:	10 Công ty

a. Danh sách văn phòng đại diện

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital tại Tp. Hà Nội	Số 44 Nguyễn Thái Học, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội.

b. Danh sách các Công ty con kiểm soát trực tiếp được hợp nhất trong báo cáo

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	50,08%	43,90%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Khu TTCN Nhơn Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định.	61,62%	59,59%
Công ty Cổ phần BCG Land	22A Đường số 7, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	71,53%	66,24%
Công ty Cổ phần BCG Energy	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	82,18%	82,18%
Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Thôn Phong An, Xã Cát Trinh, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định.	80,00%	80,00%
Công ty Cổ phần BCG Financial	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	80,00%	80,00%
Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	Tầng 11, Tòa nhà President Place, 93 Nguyễn Du, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	80,64%	78,71%
Công ty TNHH MTV Helios Village	Thôn 7, Xã Đắk Ha, Huyện Đắk Glong, Tỉnh Đắk Nông.	100%	100%
Công ty TNHH Phoenix Mountain	Quốc lộ 1D, Khu vực 2, Phường Ghềnh Ráng, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.	100%	86,59%

7. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)

c. Danh sách các Công ty con kiểm soát gián tiếp được hợp nhất trong báo cáo

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác và Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Ấp Rò Leng, Xã Châu Lăng, Huyện Trì Tôn, Tỉnh An Giang.	51,00%	21,95%
Công ty Cổ phần Nước Sạch Life Purity	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	51,00%	22,39%
Công ty Cổ phần TCD Plus	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	80,00%	35,12%
Công ty Taxi Việt Nam	Lô IV - 15B đường số 4, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.	51,00%	22,39%
Công ty TNHH Tracodi E&C	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	99,80%	43,81%
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Lô D4, D5, D9, D10 – KCN Đông Bắc Sông Cầu, Xã Xuân Hải, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên.	95,00%	56,61%
Công ty Cổ phần Tapiotek	Tổ 7, Khu phố 4, Thị trấn Châu Thành, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh.	51,00%	30,39%
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Quốc lộ 1D, Khu phố 1, Bãi Xếp, Phường Ghềnh Ráng, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.	70,00%	46,37%
Công ty Cổ phần Thương Mại Vxperia	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	65,00%	43,05%
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	L17-11, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	65,00%	43,05%
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Khối 1, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.	89,00%	58,95%
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Côn Bắp	Côn Bắp, Phường Cẩm Nam, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	50,10%	33,18%
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Hẻm 1, Đường TL 934, Ấp Hòa Mỹ, TT Mỹ Xuyên, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng.	90,00%	73,96%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa	31 Đường số 10, Ấp 4, KDC Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	90,00%	73,96%
Công ty Cổ phần Skylar	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	99,00%	81,36%
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	Tỉnh lộ 639, thôn 8 Đông, Xã Mỹ Thắng, Huyện Phú Mỹ, Tỉnh Bình Định.	51,00%	33,92%
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	74,90%	60,94%

7. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)

c. Danh sách các Công ty con kiểm soát gián tiếp được hợp nhất trong báo cáo (Tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Buôn Chư Jut, Xã Chư Gu, Huyện Krông Pa, Tỉnh Gia Lai.	100%	63,42%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Căn PG02-09, Khóm 3, Phường 2, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.	100%	82,10%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Căn PG02-09, Khóm 3, Phường 2, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.	100%	82,12%
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	25/10 Đường số 3, Khu phố 2, Phường An Khánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	99,00%	81,36%
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Số 356, tổ 13, ấp Phú Tân, Xã Trung Nghĩa, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long.	50,50%	41,50%
Công ty Cổ phần Casper Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	99,00%	80,54%
Công ty Cổ phần Cosmos Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	99,00%	80,54%
Công ty Cổ phần Herb Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	69,00%	56,14%
Công ty Cổ phần Orchid Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	69,00%	56,14%
Công ty Cổ phần Violet Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	69,00%	56,14%
Công ty Cổ phần BCG GALA	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	50,82%	41,77%
Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Giang	59 Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.	85,71%	67,47%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Băng Dương	Số 31 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	100%	41,86%
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Số 90 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	100%	41,86%
Công ty Cổ phần E Power 1	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	99,80%	82,01%

011729
 CÔNG TY
 TNHH
 TƯ VẤN
 HÌNH KẾ T
 KIỂM TOÁN
 PHÍA NAM
 TP. HỒ C

7. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)

d. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết sở hữu trực tiếp

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	32A/3 Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	48,00%	48,00%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	Lô 08, 09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, Phường 9, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.	21,01%	21,01%

e. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết sở hữu gián tiếp thông qua công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Skylight Power	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	50,00%	41,09%
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Bắc Hà	Thôn Nà Pán I, Xã Vũ Sơn, Huyện Bắc Sơn, Tỉnh Lạng Sơn.	43,85%	26,13%
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	43 Phan Bội Châu, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.	20,00%	8,78%
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	49,00%	40,27%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	218 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	49,00%	32,46%
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	50,00%	40,68%
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Sơn Long	Tổ 21, khu 4B, đường Hậu Cẩn, Phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.	40,63%	17,84%
Công ty TNHH King Crown Riverside Residence	25 Xuân Thủy, Phường Thảo điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	49,00%	32,46%

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

I. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính.



c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu hoạt động xây lắp, bán hàng hóa, dịch vụ

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm

Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên tình trạng quá hạn của các khoản nợ và các khoản lỗ dự kiến đối với những khoản nợ trong hạn có thể phát sinh khi một tổ chức kinh tế bị phá sản hoặc giải thể; hoặc chủ nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị truy tố, ở tù, đang chờ thi hành án hoặc đã chết.

Tỷ lệ dự phòng phải thu khó đòi theo tình trạng quá hạn như sau:

Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Việc lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên các khoản lỗ dự kiến đối với những khoản phải thu trong hạn được quyết định bởi Ban Quản trị Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản phải thu này.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đối với hàng hóa nhập bán sỉ theo lô, công ty ghi nhận giá trị hàng xuất theo phương pháp thực tế đích danh.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

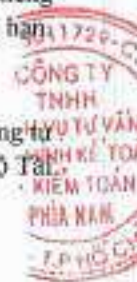
Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Máy móc thiết bị	03 - 20
- Thiết bị văn phòng	03 - 10
- Phần mềm máy tính	03 - 05
- Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 25

6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.



7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn;
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuế tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuế tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuế tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo các quy định và hướng dẫn của Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/05/2017 ("Thông tư 50") do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn thi hành Nghị định 73 do Chính phủ Việt Nam ban hành hướng dẫn thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Thông tư số 01/2019/TT-BTC ngày 02/01/2019 ("Thông tư 01") do Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 50, và Công văn số 15193/BTC-QLBH ngày 06/12/2018 ("Công văn 15193") do Bộ Tài chính phê duyệt phương pháp dự phòng nghiệp vụ của Công ty.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.



14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.



e. Doanh thu phí bảo hiểm

Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực (khi phát sinh trách nhiệm bảo hiểm) cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc hoặc khi nhận được xác nhận thanh toán tái bảo hiểm từ các công ty nhượng tái bảo hiểm cho hoạt động nhận tái bảo hiểm. Khoản doanh thu này bao gồm phí bảo hiểm phải thu đến hạn và không bao gồm doanh thu phí bảo hiểm nhận được trước ngày đến hạn và phí bảo hiểm phải thu bị quá hạn trên 30 ngày.

Trong trường hợp rủi ro đã được hủy bỏ và hoàn trả phí bảo hiểm là cần thiết, doanh thu phí bảo hiểm đã ghi nhận được điều chỉnh bằng cách trừ số tiền hoàn phí bảo hiểm phát sinh một cách phù hợp.

f. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

15. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

17. Chi phí bồi thường bảo hiểm

Chi phí bồi thường và chi phí giám định tổn thất được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi các sự kiện được bảo hiểm xảy ra. Chi phí bồi thường, chi phí giám định tổn thất được ghi nhận trong năm tài chính dựa trên số tiền bồi thường ước tính cuối cùng và các chi phí giám định tổn thất có liên quan.

Những thay đổi trong các ước tính chi phí bồi thường (chi phí giám định tổn thất và bồi thường) được thường xuyên rà soát lại, và chênh lệch giữa các ước tính bồi thường phải trả với số tiền thực phải thanh toán bồi thường bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm khi mà các ước tính đó bị thay đổi hay các khoản thanh toán đó được thực hiện.

Các khoản thu đòi bồi thường, như thanh lý tài sản tổn thất đã xử lý bồi thường hoặc thu đòi bên thứ ba bồi hoàn, được đánh giá theo giá trị thực tế có thể thực hiện được và được ghi nhận là các khoản giảm trừ cho chi phí bồi thường bảo hiểm trong năm.

18. Chi phí khai thác bảo hiểm

Toàn bộ các chi phí khai thác bảo hiểm trừ chi phí hoa hồng từ việc phát hành mới hoặc tái tục hợp đồng bảo hiểm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



c. Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty Con

Nếu sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu (không ghi nhận như lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ). Trong trường hợp này, công ty mẹ không thực hiện việc ghi nhận tài sản thuần của công ty con theo giá trị hợp lý như tại thời điểm kiểm soát công ty con.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, trước khi thực hiện việc loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ và công ty con, kế toán phải thực hiện một số điều chỉnh đối với giá phí khoản đầu tư của công ty mẹ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

d. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ

- Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

- Các khoản vay trong nội bộ

Nếu các đơn vị trong một tập đoàn có quan hệ vay mượn lẫn nhau thì số dư tiền vay trong nội bộ tập đoàn đang phản ánh trong các khoản mục "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn", "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn", khoản mục "Phải thu về cho vay ngắn hạn", "Phải thu về cho vay dài hạn khác" phải được loại trừ toàn bộ. Theo đó, các khoản thu nhập từ cho vay và chi phí đi vay cũng phải loại trừ toàn bộ trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Điều chỉnh các khoản mục nội bộ khác

Số dư các khoản mục phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn, như phải thu, phải trả, doanh thu chưa thực hiện, chi phí trả trước... phải được loại trừ hoàn toàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản doanh thu, thu nhập, giá vốn, chi phí phát sinh từ các giao dịch khác trong nội bộ tập đoàn, như các khoản doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, doanh thu cho thuê, cung cấp dịch vụ... trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn.

e. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ phân bổ lũy kế. Giá gốc lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị có thể thu hồi khi Ban điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30/06/2023	Ngày 01/01/2023
- Tiền mặt	12.132.915.263	9.207.597.196
- Tiền gửi ngân hàng	651.364.856.547	531.429.243.437
- Tiền đang chuyển	23.694.044	159.535.020
- Các khoản tương đương tiền	71.200.000.000	88.700.000.000
Cộng	734.721.465.854	629.496.375.653

Ghi chú:

Các khoản tiền và tương đương tiền tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 bao gồm 296.440.230.971 đồng đã được bảo đảm, thế chấp cho khoản vay tại các ngân hàng (xem Quyết định V.20).

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Ngày 30/06/2023	Ngày 01/01/2023
a. Ngắn hạn	974.821.538.190	805.844.968.489
- Công ty Mua Bán Điện Tập đoàn - Điện lực Việt Nam	216.747.037.655	139.630.721.557
- Chi nhánh Powerchina Sichuan Engineering Corporation Limited tại Việt Nam	15.242.422.474	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư EMIR	160.800.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Dịch Vụ VHM	-	176.420.010.000
- Các khách hàng khác	582.032.078.061	489.794.236.932
b. Dài hạn	-	-

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Ngày 30/06/2023	Ngày 01/01/2023
a. Ngắn hạn	4.103.528.920.697	4.156.530.289.385
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Orchid	-	98.375.000.000
- Công ty Powerchina International Group Limited (PCI)	142.937.642.745	142.937.642.745
- Công ty TNHH TMDV MTV Huỳnh Phát Huy	670.937.900.000	788.937.900.000
- Công ty Cổ phần Plus Investment	363.148.252.581	363.791.307.230
- Công ty Cổ phần Thương Mại Vũ Tuấn	38.880.250.000	116.151.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Dịch Vụ VHM	229.132.000.000	426.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư NNT	143.750.000.000	588.039.990.000
- Powerchina Jiangxi Electric Power Engineering Co.,Ltd	188.659.183.656	188.659.183.656
- Các khách hàng khác	2.326.083.691.715	1.443.638.265.754
b. Dài hạn	56.400.000.000	56.400.000.000
- Các khách hàng khác	56.400.000.000	56.400.000.000

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Ngày 30/06/2023		Ngày 01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dư phòng	Giá trị hợp lý
a. Chứng khoán kinh doanh				
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidapha (1)	445.939.200	619.344.000	-	594.000.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (1)	451.655.840	1.008.223.400	-	1.014.990.000
- Công ty Cổ phần Phú Tam Khô (2)	3.100.000.000	3.100.000.000	-	3.100.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị VINAHUD (1)	4.560.000.000	5.244.000.000	-	7.797.600.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy (2)	34.930.000.000	34.930.000.000	-	34.930.000.000
- Đầu tư khác (1)	1.153.850	3.080.520	-	73.039.360
Cộng	43.488.748.890		-	43.541.748.890

Ghi chú:

(1) Giá trị hợp lý được trình bày căn cứ theo số lượng cổ phiếu và giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn chứng khoán HNX, HOSE, UpCom tại thời điểm ngày 30/06/2023 và ngày 01/01/2023 nhằm mục đích tham khảo.

(2) Tại ngày 30/06/2023 và ngày 01/01/2023, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý tạm ước lượng theo giá trị sổ sách của doanh nghiệp.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b. Các Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Ngày 30/06/2023		Ngày 01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b.1 Ngân hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (3)	426.278.269.997	426.278.269.997	467.052.385.285	467.052.385.285
	426.278.269.997	426.278.269.997	467.052.385.285	467.052.385.285
b.2 Dài hạn				
- Trái phiếu Doanh nghiệp (4)	118.980.000.000	118.980.000.000	116.980.000.000	116.980.000.000
- Trái phiếu Ngân hàng (5)	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (6)	10.880.000.000	10.880.000.000	10.880.000.000	10.880.000.000
	8.100.000.000	8.100.000.000	6.100.000.000	6.100.000.000
Cộng	545.258.269.997	545.258.269.997	584.032.385.285	584.032.385.285

Ghi chú:

(3) Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng và dưới 12 tháng của Công ty và các Công ty con tại các Ngân hàng. Trong đó, có 308,2 tỷ đồng đang được cầm cố cho nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng.

(4) Khoản đầu tư mua Trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios của Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải. Kỳ hạn trái phiếu là 05 năm. Lãi suất năm đầu tiên 8,5%/năm, các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tiền gửi có nhân 12 tháng công với biên độ 3%/năm. Ngoài ra, khoản trái phiếu này cũng được Công ty con dùng để đảm bảo cho khoản vay của bên thứ ba.

(5) Trong đó bao gồm:

- Khoản đầu tư 10.500.000.000 đồng của Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land vào trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, kỳ hạn 8 năm với lãi suất được tính bằng lãi suất tham chiếu + 0,9%/năm và được trả lãi định kỳ hàng năm.

- Khoản đầu tư 380.000.000 đồng của Công ty con - Công ty Cổ phần Tapirotek vào trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam (BIDV), kỳ hạn 10 năm.

(6) Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng của các Công ty con tại các Ngân hàng. Trong đó, có 100 triệu đồng đang được cầm cố cho nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng.



4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Ngày 30/06/2023		Ngày 01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Dự phòng	Giá gốc
		Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Dự phòng	Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu
c.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	2.721.321.976.119	2.661.832.582.654	-	3.540.579.811.914
- Công ty TNHH B.O.T ETE30	103.200.000.000	16.710.749.507	-	103.200.000.000
- Công ty Taxi Việt Nam (7)	-	-	-	31.492.095.018
- Công ty TNHH Skylight Power	24.952.712.350	22.336.824.258	-	22.794.509.743
- Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà	61.790.000.000	61.790.000.000	-	61.790.000.000
- Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky (8)	246.562.000.000	252.782.448.881	-	208.562.000.000
- Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Côn Búp (9)	-	-	-	494.178.082.192
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	1.017.663.263.769	1.031.724.403.862	-	1.017.663.263.769
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios (10)	-	-	-	547.297.615.314
- Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	20.400.000.000	20.679.211.312	-	20.400.000.000
- Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	2.205.000.000	6.924.275.508	-	2.205.000.000
- Công ty Cổ phần Băng Dương E&C (11)	-	-	-	10.050.000.905
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	29.194.000.000	33.583.571.790	-	23.517.050.458
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sơn Long	970.355.000.000	970.303.982.956	-	30.978.509.752
- Công ty TNHH King Crown Riverside Residence (12)	245.000.000.000	244.997.114.580	-	970.323.379.930



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

	Ngày 30/06/2023		Ngày 01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
c.2 Đầu tư vào đơn vị khác	579.369.156.293	(1.212.741.474)	126.119.156.293	(1.144.885.742)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Năng lượng Việt Nam	360.000.000	-	360.000.000	-
- Công ty Cổ phần Bamboo Financial Corp	30.000.000.000	(622.741.474)	30.000.000.000	(1.144.885.742)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam	69.210.933	-	69.210.933	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn lực & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam	99.945.360	-	99.945.360	-
- Công ty Cổ phần Tracodi Power	590.000.000	(590.000.000)	590.000.000	-
- Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long I	59.400.000.000	-	59.400.000.000	-
- Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	21.600.000.000	-	21.600.000.000	-
- Công ty Cổ phần Indoba Trading (13)	128.250.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios (10)	325.000.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Pegas	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-
Cộng	3.300.691.132.412	(1.212.741.474)	3.666.698.968.207	(1.144.885.742)

Ghi chú:

(*) Tại ngày 30/06/2023 và ngày 01/01/2023, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(7) Trong kỳ, Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải đã tiến hành nhận chuyển nhượng 21% vốn góp tại Công ty Taxi Việt Nam ("Vinataxi"), nâng tổng tỷ lệ sở hữu tại Vinataxi thành 51% trên vốn điều lệ. Theo đó, chuyển mối quan hệ với Vinataxi từ Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết thành Đầu tư vào công ty con gián tiếp.

(8) Trong kỳ, Công ty con gián tiếp - Công ty Cổ phần Skylar đã tiến hành góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần BCG - SP GreenSky, nắm giữ 50% vốn điều lệ.

(9) Trong kỳ, Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land đã tiến hành nhận chuyển nhượng 2% vốn góp tại Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Côn Đảo ("Côn Đảo"), nâng tổng tỷ lệ sở hữu tại Côn Đảo thành 50,1% trên vốn điều lệ. Theo đó, chuyển mối quan hệ với Côn Đảo từ Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết thành Đầu tư vào công ty con gián tiếp.



4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(10) Trong kỳ, Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải đã thoát một phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Dân tư và Dịch vụ Helios ("Helios"). Theo đó, chuyển mối quan hệ với Helios từ Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết thành Đầu tư vào đơn vị khác.

(11) Trong kỳ, Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải đã thoát toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Bãng Dương E&C.

(12) Trong kỳ, Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land đã tiến hành góp vốn thành lập Công ty TNHH King Crown Riverside Residence, nắm giữ 49% vốn điều lệ.

(13) Trong kỳ, Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land đã tiến hành góp vốn vào Công ty Cổ phần Indoba Trading, nắm giữ 13% vốn điều lệ.

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	<i>Ngày 30/06/2023</i>	<i>Ngày 01/01/2023</i>
a. Ngắn hạn	607.061.483.975	178.769.483.975
- Công ty TNHH Lộc Tú	72.650.000.000	-
- Công ty TNHH TMTH Phước Tiên	240.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Green Solution	50.000.000.000	48.855.000.000
- Công ty Cổ phần Mega Solar	35.678.000.000	35.678.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dịch vụ Thương mại Phương Nam	90.000.000.000	-
- Các khoản cho vay khác	118.733.483.975	94.236.483.975
b. Dài hạn	-	50.000.000.000
- Các khoản cho vay khác	-	50.000.000.000
Cộng	607.061.483.975	228.769.483.975

6. PHẢI THU KHÁC

	<i>Ngày 30/06/2023</i>		<i>Ngày 01/01/2023</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
a. Ngắn hạn	11.358.931.426.152	(4.609.058.338)	8.417.728.411.826	(9.695.951.421)
- Phải thu BHXH, BHYT	15.519.071	-	219.888.480	-
- Tạm ứng	614.449.956.993	-	844.277.412.911	(104.717.650)
- Ký cược, ký quỹ	17.091.196.181	-	20.987.791.425	(1.800.000.000)
- Phải thu khác	10.727.374.753.907	(4.609.058.338)	7.552.243.319.010	(7.791.233.771)
+ Công ty Cổ phần Artemis Investment (1)	966.111.739.723	-	1.510.699.136.985	-
+ Công ty Cổ phần White Magnolia (2)	830.000.000.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Plus Investment (2)	441.564.000.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Orchid (2)	1.278.436.000.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Chí Thủy (3)	765.959.981.523	-	906.043.020.275	-
+ Công ty Cổ phần Hibiscus (4)	183.263.282.629	-	180.173.319.725	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thạnh Diamond (5)	350.545.569.561	-	323.669.846.546	-
+ Công ty Cổ phần Thăng Phương (6)	477.640.000.000	-	477.640.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Tập Đoàn VNGROUP (7)	180.000.000.000	-	360.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Điện Gió BCG Khai Long 1 (8)	2.640.945.241.640	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Năng Lượng Dương Phong (9)	668.170.000.000	-	654.621.917.808	-
+ Công ty Cổ phần Plus Investment (10)	330.063.237.807	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Orchid (11)	247.388.849.314	-	-	-
+ Khác	1.367.286.851.710	(4.609.058.338)	3.139.396.077.671	(7.791.233.771)

6. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

	Ngày 30/06/2023		Ngày 01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
b. Dài hạn	5.725.160.138.528	-	10.929.758.545.330	-
- Tạm ứng	400.000.000.000	-	400.000.000.000	-
- Phải thu khác	5.048.092.555.694	-	10.493.078.231.585	-
+ Công ty Cổ phần Plus Investment (12)	987.576.327.982	-	1.390.140.327.982	-
+ Công ty Cổ phần White Magnolia (2)	-	-	830.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Hibiscus (13)	406.000.000.000	-	406.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Artemis Investment	300.000.000.000	-	400.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Orchid (2)	-	-	1.278.436.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Điện Gió BCG Khai Long 1 (8)	-	-	2.500.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại Vũ Tuấn (14)	225.935.000.000	-	300.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thuỷ (15)	679.030.000.000	-	679.030.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình Toàn Phát (16)	479.100.000.000	-	497.500.000.000	-
+ Đối tượng khác	1.970.451.227.712	-	2.211.971.903.603	-
- Ký cược, ký quỹ	277.067.582.834	-	36.680.313.745	-
Cộng	17.084.091.564.680	(4.609.058.338)	19.347.486.957.156	(9.695.951.421)

Ghi chú:

Chi tiết của các khoản phải thu chính như sau:

(1) Khoản phải thu theo các Hợp đồng:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 07/12/HTKD/TCD-ARTEMIS ngày 07/12/2022 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Công Nghiệp và Vận Tải và Công ty Cổ phần Artemis Investment, thời gian hợp tác là 01 năm. Công ty con sẽ được phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng;

- Và các khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Artemis Investment và Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1, Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2.



6. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(2) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, số dư thể hiện các khoản phải thu theo hợp đồng BCC và các phụ lục hợp đồng giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land ("BCG Land") và Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Orchid, Công ty Cổ phần Plus Investment, và Công ty Cổ phần White Magnolia với số tiền hợp tác lần lượt là 1.278.436.000.000 đồng, 441.564.000.000 đồng và 830.000.000.000 đồng nhằm hợp tác phát triển dự án bất động sản Kinh Dương Vương ("Dự án") tại Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh do Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cửu Long ("Cửu Long") làm chủ đầu tư. Thời gian hợp tác 03 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và được gia hạn thêm 02 năm. Lợi nhuận được xác định theo kết quả kinh doanh của dự án nhưng không thấp hơn lãi suất theo thỏa thuận của Công ty con và các đối tác BCC. Dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư và công nhận Cửu Long là chủ đầu tư theo quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh số 401/UBND-ĐT ngày 23 tháng 01 năm 2017 với thời hạn 12 tháng và được Văn phòng Chính phủ kiến nghị Phó Thủ Tướng tiếp tục triển khai thực hiện Dự án này do Cửu Long làm chủ đầu tư.

Hiện tại, BCG Land, các đối tác BCC và Cửu Long đang làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để gia hạn chủ trương đầu tư và hoàn tất các thủ tục pháp lý để phát triển Dự án. Do đó, khả năng thu hồi các khoản đầu tư này tùy thuộc vào khả năng phát triển của Dự án trong tương lai.

(3) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2908/2022/HTKD/CASA-CHITHUY ngày 29/08/2022 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort và Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy, nhằm hợp tác mua cổ phần công ty dự án bất động sản với tổng số tiền hợp tác là 820 tỷ đồng. Thời gian hợp tác là 01 năm kể từ ngày ký kết Hợp đồng. Lợi nhuận được xác định theo kết quả kinh doanh của dự án và khoản lợi tức cụ thể trong từng giai đoạn.

- Và khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy và Công ty con - Công ty TNHH Phoenix Mountain.

(4) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 3011/2021/HTKD/DT1 - Hibiscus ngày 30/11/2021 và các phụ lục kèm theo giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 và Công ty Cổ phần Hibiscus, nhằm hợp tác Hợp tác đầu tư vào Dự án nhà máy Đức Huệ VNT4. Lợi nhuận sẽ được phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn;

- Và các khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Hibiscus và Công ty con - Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort, Công ty TNHH Phoenix Mountain.

(5) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2021/HTKD-TH-TT ngày 27/12/2021 và các phụ lục kèm theo giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa và Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thạnh Diamond, nhằm hợp tác đầu tư dự án nhà máy điện mặt trời hoa hương dương. Lợi nhuận được phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn.

(6) Khoản phải thu theo các Hợp đồng:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1504/2022/HTKD/TCD-TP ngày 15/04/2022 và các phụ lục kèm theo giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Công Nghiệp và Vận Tải và Công ty Cổ phần Thăng Phương. Lợi nhuận sẽ được phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0912/2022/BCGL-TP ngày 09/12/2022 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land và Công ty Cổ phần Thăng Phương, nhằm hợp tác đầu tư vào các sản phẩm tài chính đã niêm yết trên sàn HOSE, HNX hoặc UpCom; với tổng số tiền hợp tác là 196 tỷ đồng. Kết quả kinh doanh được xác định dựa theo lợi nhuận của giao dịch tương ứng với tỷ lệ góp vốn.

(7) Khoản phải thu theo Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 21/03/2023 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land và Công ty Cổ phần Tập đoàn VNGroup về việc thanh lý Thỏa thuận nguyên tắc số 02/2022/TNTT ngày 25/02/2022 cho mục đích chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Phường Cẩm Phố, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam.

6. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(8) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 270421 BCG-KLI ngày 20/04/2021 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Energy với Công ty Cổ phần Điện Gió BCG Khai Long 1 về việc đầu tư phát triển Dự án Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1 do Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 làm chủ đầu tư. Lợi nhuận được phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ vốn góp.

(9) Khoản phải thu theo các Hợp đồng:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2204/2022/HTKD/WINDST-DPE ngày 22/04/2022 và các phụ lục kèm theo giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Wind Sóc Trăng và Công ty Cổ phần Năng Lượng Dương Phong nhằm hợp tác đầu tư cho các dự án liên quan đến: bất động sản, cơ sở hạ tầng, dự án sản xuất kinh doanh, kinh doanh trái phiếu, cổ phiếu. Lợi nhuận được xác định theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2204/2022/HTKD/DT2-DP ngày 22/04/2022 và các phụ lục kèm theo giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 và Công ty Cổ phần Năng Lượng Dương Phong nhằm hợp tác đầu tư cho các dự án liên quan đến: bất động sản, cơ sở hạ tầng, dự án sản xuất kinh doanh, kinh doanh trái phiếu, cổ phiếu. Lợi nhuận được xác định theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án.

(10) Khoản phải thu theo các Hợp đồng:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 3011/2021/HTKD/DT1-Plus ngày 25/02/2022 và các phụ lục kèm theo giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 và Công ty Cổ phần Plus Investment, nhằm hợp tác đầu tư cho các dự án liên quan đến: bất động sản, cơ sở hạ tầng, dự án sản xuất kinh doanh, dự án phát triển năng lượng tái tạo, đầu tư trái phiếu, cổ phiếu. Thời gian hợp tác đến 29/11/2023. Lợi nhuận được phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ vốn góp;

- Và khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Plus Investment và Công ty con - Công ty TNHH Phoenix Mountain.

(11) Khoản phải thu theo các hợp đồng:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 3011/2021/HTKD-DT1-Orchid ngày 30/11/2021 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Orchid và Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 với số tiền là 180 tỷ đồng. Lợi nhuận sẽ được phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1801/HTKD/TCD-ORCHID ngày 18/01/2022 và các phụ lục kèm theo giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Orchid và Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Công Nghiệp và Vận Tải với số tiền là 62 tỷ đồng. Lợi nhuận sẽ được phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn.

(12) Khoản phải thu theo các Hợp đồng:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0506/2021/HĐHTKD/TCD-PLUS ngày 05/01/2021 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Công Nghiệp và Công ty Cổ phần Plus Investment. Công ty con sẽ được phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng. Lợi nhuận phân chia được tính dựa vào lợi nhuận dự án và tỷ lệ đầu tư thực tế của các bên tham gia;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2802/2022/HĐ-HTKD/PMC-PLUS ngày 25/02/2022 giữa Công ty con - Công ty TNHH Phoenix Mountain và Công ty Cổ phần Plus Investment với số tiền hợp tác là 344 tỷ đồng. Thời gian hợp tác là 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lợi tức đầu tư là 10,6%/năm;

- Và hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Khu Công nghiệp Cát Trinh và Công ty Cổ phần Plus Investment, số tiền hợp tác là 200 tỷ đồng.

6. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(13) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1404/2022/HĐ-HTKD/HIS-PMC ngày 12/04/2022 giữa Công ty con - Công ty TNHH Phoenix Mountain và Công ty Cổ phần Hibiscus với số tiền hợp tác là 451 tỷ đồng nhằm hợp tác đầu tư cho các dự án liên quan đến: bất động sản, dự án cơ sở hạ tầng, dự án sản xuất kinh doanh, kinh doanh trái phiếu, cổ phiếu. Lợi nhuận được xác định theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án.

(14) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2805/2021/HTKD/CASA-VUTUAN ngày 28/05/2021 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort và Công ty Cổ phần Thương mại Vũ Tuấn, nhằm mua cổ phần công ty dự án bất động sản tại TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh với tổng số tiền hợp tác là 300.000.000.000 đồng. Thời gian hợp tác 03 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lợi nhuận được xác định theo kết quả kinh doanh của dự án nhưng không thấp hơn lãi suất theo thỏa thuận của hai bên.

(15) Khoản phải thu theo các Hợp đồng:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2405/2021/HTKD/CASA-CHITHUY ngày 24/05/2021 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort và Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy với số tiền hợp tác là 300 tỷ đồng nhằm đầu tư dự án tại phường Bình Trưng Đông, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh. Lợi nhuận sẽ được phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2104/2022/HTKD/PMC-CHI THUY ngày 20/04/2022 giữa Công ty con - Công ty TNHH Phoenix Mountain và Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy với số tiền là 630 tỷ đồng. Lợi nhuận sẽ được phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn.

(16) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1, Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình Toàn Phát vào các dự án phát triển năng lượng tái tạo, và đầu tư trái phiếu, cổ phiếu với số tiền là 479.100.000.000 đồng. Cụ thể, hai bên cùng nhau hợp tác đầu tư với thời gian là 04 năm kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2020. Theo đó, Công ty con sẽ được hưởng lợi nhuận theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án, theo tỷ lệ góp vốn, việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.

7. NỢ XẤU

	Ngày 30/06/2023		Ngày 01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị đã trích dự phòng	Giá gốc	Giá trị đã trích dự phòng
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	37.207.387.451	(32.747.248.990)	116.833.274.445	(97.936.214.038)
Trong đó:				
- Phải thu khách hàng	30.457.025.800	(26.738.190.652)	104.610.898.835	(86.780.262.617)
- Tạm ứng	-	-	104.717.650	(104.717.650)
- Ký quỹ	-	-	1.800.000.000	(1.800.000.000)
- Phải thu khác	5.350.361.651	(4.609.058.338)	8.857.657.960	(7.791.233.771)
- Trả trước người bán	1.400.000.000	(1.400.000.000)	1.460.000.000	(1.460.000.000)
Cộng	37.207.387.451	(32.747.248.990)	116.833.274.445	(97.936.214.038)

3501172
CÔNG TY
TNHH
CH VỤ TƯ
CHÍNH KẾ
VÀ KIỂM T
PHÍA NAI
- TP HC

8. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 30/06/2023		Ngày 01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	60.339.445.694	-	73.090.971.560	-
- Công cụ, dụng cụ	1.262.684.347	-	680.355.171	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	3.716.872.734.240	(34.095.786.015)	2.599.500.798.825	(38.298.352.485)
- Thành phẩm	114.843.253.381	-	112.969.916.398	-
- Hàng hóa	8.851.823.035	-	6.818.503.846	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	3.902.169.940.697	(34.095.786.015)	2.793.060.545.800	(38.298.352.485)

Ghi chú:

(*) Trong đó, bao gồm:

- Chi phí đầu tư dự án Malibu Hội An là 2.059.143.504.686 đồng theo Quyết định 2533/QĐ-UBND ngày 03/08/2009 của UBND Tỉnh Quảng Nam phê duyệt chi tiết quy hoạch 1/500 Khu Nghỉ mát dịch vụ và du lịch tại xã Điện Dương, huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam do Công ty con - Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas làm chủ đầu tư;

- Chi phí đầu tư Dự án King Crown là khu tổ hợp các biệt thự và căn hộ tại phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh là 133.397.287.327 đồng theo Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của UBND TP. Hồ Chí Minh phê duyệt do Công ty con - Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn làm chủ đầu tư;

- Chi phí đầu tư Dự án Khu du lịch sinh thái Hội An D'or là 696.740.417.182 đồng do Công ty con - Công ty TNHH Du lịch sinh thái Côn Bắp làm chủ đầu tư;

- Và các khoản chi phí sản xuất kinh doanh khác tại các Công ty con.

Tại ngày 30/06/2023, hàng tồn kho của Tập đoàn có giá trị là 3.163.702.493.207 đồng đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay từ ngân hàng.

9. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Ngày 30/06/2023	Ngày 01/01/2023
a. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	41.300.000.000	41.300.000.000
- Chi phí SXKD dở dang khác	41.300.000.000	41.300.000.000
b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.494.025.674.588	2.576.316.475.893
- Xây dựng cơ bản dở dang	1.461.926.192.267	2.436.876.321.621
+ Dự án Khu du lịch sinh thái Côn Bắp	544.962.941.130	-
+ Dự án Nhà máy điện mặt trời Krông Pa 2	751.615.370.303	564.679.108.773
+ Dự án Nhà máy điện Phú Mỹ	-	1.871.762.328.348
+ Dự án trung tâm thương mại Củ Chi	434.884.500	434.884.500
+ Dự án điện gió Đông Thành 1, Đông Thành 2, Sóc Trăng	164.912.996.334	-
- Mua sắm tài sản cố định	27.698.824.361	22.948.813.197
- Chi phí xây dựng khác	4.400.657.960	116.491.341.075
Cộng	1.535.325.674.588	2.617.616.475.893

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	2.108.158.767.395	5.858.472.386.956	922.476.114.179	9.913.185.778	36.583.713	8.899.057.038.021
2. Số tăng trong kỳ	3.807.794.495	1.888.893.740.228	103.595.953.141	713.989.520	-	1.997.011.477.384
- Mua trong kỳ	-	714.750.000	1.033.890.910	-	-	1.748.640.910
- Đầu tư XDCN hoàn thành	-	1.887.435.962.135	-	-	-	1.887.435.962.135
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	3.807.794.495	743.028.093	101.942.062.231	713.989.520	-	107.206.874.339
- Phân loại lại	-	-	620.000.000	-	-	620.000.000
3. Số giảm trong kỳ	-	620.000.000	10.376.949.610	-	36.583.713	11.033.533.323
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	6.320.805.432	-	36.583.713	6.357.389.145
- Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	-	4.056.144.178	-	-	4.056.144.178
- Phân loại lại	-	620.000.000	-	-	-	620.000.000
4. Số dư cuối kỳ	2.111.966.561.890	7.746.746.127.184	1.015.695.117.710	10.627.175.298	-	10.885.034.982.082
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	260.259.169.188	795.766.644.871	129.657.674.723	6.978.956.741	36.583.713	1.192.699.029.236
2. Khấu hao trong kỳ	36.039.798.360	180.749.836.061	104.680.517.755	919.511.776	-	322.389.663.952
- Khấu hao tăng trong kỳ	32.228.827.099	180.006.807.968	28.438.636.389	531.637.825	-	241.205.909.281
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	3.807.794.495	743.028.093	73.961.983.458	387.873.951	-	78.900.679.997
- Phân loại lại	3.176.766	-	2.279.897.908	-	-	2.283.074.674
3. Giảm trong kỳ	-	2.283.074.674	9.671.637.266	-	36.583.713	11.991.295.653
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	5.615.493.088	-	36.583.713	5.652.076.801
- Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	-	4.056.144.178	-	-	4.056.144.178
- Phân loại lại	-	2.283.074.674	-	-	-	2.283.074.674
4. Số dư cuối kỳ	296.298.967.548	974.233.406.258	224.666.555.212	7.898.468.517	-	1.503.097.397.535
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	1.847.899.598.207	5.062.705.742.085	792.818.439.456	2.934.229.037	-	7.706.358.008.785
2. Tại ngày cuối kỳ	1.815.667.594.342	6.772.512.720.926	791.028.562.498	2.728.706.781	-	9.381.937.584.547

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đang để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay, nợ:

9.047.293.629.844 VND

179.258.458.438 VND

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:



11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	17.888.753.803	17.888.753.803
2. Số tăng trong kỳ	9.177.427.274	9.177.427.274
- Thuế TSCĐ tài chính trong kỳ	4.002.590.910	4.002.590.910
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	5.174.836.364	5.174.836.364
3. Số giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	27.066.181.077	27.066.181.077
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
1. Số dư đầu năm	6.845.229.365	6.845.229.365
2. Khấu hao trong kỳ	2.162.803.993	2.162.803.993
- Khấu hao tăng trong kỳ	2.141.531.708	2.141.531.708
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	21.272.285	21.272.285
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	9.008.033.358	9.008.033.358
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	11.043.524.438	11.043.524.438
2. Tại ngày cuối kỳ	18.058.147.719	18.058.147.719



12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	513.520.000	399.518.014.730	46.625.683.435	446.657.218.165
2. Số tăng trong kỳ	-	-	685.226.750	685.226.750
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	685.226.750	685.226.750
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	513.520.000	399.518.014.730	47.310.910.185	447.342.444.915
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm	63.906.871	8.427.616.619	42.735.549.366	51.227.072.856
2. Khấu hao trong kỳ	6.083.636	4.213.808.309	970.188.306	5.190.080.251
- Khấu hao tăng trong kỳ	6.083.636	4.213.808.309	446.697.672	4.666.589.617
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	523.490.634	523.490.634
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	69.990.507	12.641.424.928	43.705.737.672	56.417.153.107
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	449.613.129	391.090.398.111	3.890.134.069	395.430.145.309
2. Tại ngày cuối kỳ	443.529.493	386.876.589.802	3.605.172.513	390.925.291.808

Ghi chú:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

41.790.754.139 VND

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Ngày 30/06/2023</i>	<i>Ngày 01/01/2023</i>
a. Ngắn hạn	170.265.446.140	59.914.273.264
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	8.306.529.490	6.855.231.320
- Chi phí bảo hiểm	5.625.214.620	3.305.556.758
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	25.000.000.000
- Chi phí hoa hồng bảo hiểm chưa phân bổ	20.526.639.827	14.142.615.436
- Chi phí khác	135.807.062.203	10.610.869.750
b. Dài hạn	242.107.531.198	210.679.868.799
- Quyền sử dụng đất thuê	45.716.534.973	1.760.479.820
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.831.044.997	12.996.342.291
- Chi phí nâng cấp sửa chữa văn phòng, máy móc, thiết bị	19.887.152.299	13.063.959.600
- Chi phí Dự án khu nghỉ mát Malibu chờ phân bổ	110.802.302.560	116.094.307.963
- Chi phí khác	58.870.496.369	66.764.779.125
Cộng	412.372.977.338	270.594.142.063

14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	<i>Ngày 30/06/2023</i>		<i>Ngày 01/01/2023</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
a. Ngắn hạn	1.881.583.823.261	1.881.583.823.261	1.981.773.747.641	1.981.773.747.641
- Powerchina Jiangxi Electric Power Engineering Co., Ltd	650.314.472.421	650.314.472.421	545.885.677.208	545.885.677.208
- Công ty TNHH Powerchina Việt Nam	325.889.144.004	325.889.144.004	324.294.318.342	324.294.318.342
- Tổng Công ty Xây Dựng Số 1 - CTCP	32.382.736.205	32.382.736.205	186.279.636.427	186.279.636.427
- Công ty Cổ phần chứng khoán Tiên Phong	58.465.753.425	58.465.753.425	-	-
- Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Minh	77.284.876.320	77.284.876.320	-	-
- Các khách hàng khác	737.246.840.886	737.246.840.886	925.314.115.664	925.314.115.664
b. Dài hạn	249.700.431.312	249.700.431.312	191.037.276.046	191.037.276.046
- Powerchina Jiangxi Electric Power Engineering Co., Ltd	-	-	103.964.826.965	103.964.826.965
- Công ty TNHH Powerchina Việt Nam	87.072.449.081	87.072.449.081	87.072.449.081	87.072.449.081
- Các khách hàng khác	162.627.982.231	162.627.982.231	-	-
Cộng	2.131.284.254.573	2.131.284.254.573	2.172.811.023.687	2.172.811.023.687

c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán

d. Phải trả người bán là các bên liên quan

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<i>Ngày 30/06/2023</i>	<i>Ngày 01/01/2023</i>
a. Ngắn hạn	3.641.832.840.152	3.259.131.147.761
- Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	737.579.060.078	904.279.060.078
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại Dịch Vụ Gia Khang	961.225.111.302	746.224.936.944
- Các khách hàng khác	1.943.028.668.772	1.608.627.150.739

b. Dài hạn

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC

	<i>Ngày 01/01/2023</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã thực nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30/06/2023</i>
a. Phải nộp	265.277.761.505	223.939.927.857	174.264.815.096	314.952.874.267
- Thuế giá trị gia tăng	42.867.783.562	104.202.049.041	90.134.319.215	56.935.513.388
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	201.051.233.920	68.410.857.270	26.563.486.503	242.898.604.688
- Thuế thu nhập cá nhân	6.458.937.903	9.645.752.098	11.022.870.181	5.081.819.820
- Thuế tài nguyên	11.120.745.175	30.341.929.118	36.563.928.650	4.898.745.648
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.032.714.195	537.564.195	495.150.000
- Thuế khác	1.055.058.125	2.015.260.360	539.832.082	2.530.486.403
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.724.002.820	8.291.365.775	8.902.814.270	2.112.554.325

	<i>Ngày 01/01/2023</i>	<i>Phát sinh giảm trong kỳ</i>	<i>Phát sinh tăng trong kỳ</i>	<i>Ngày 30/06/2023</i>
b. Phải thu	3.547.546.712	79.867.078	436.534.674	3.904.214.308
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.455.596.615	-	-	2.455.596.615
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	399.710.944	399.710.944
- Thuế khác	1.091.950.097	79.867.078	36.823.730	1.048.906.749

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Ngày 30/06/2023</i>	<i>Ngày 01/01/2023</i>
a. Ngắn hạn	552.382.451.439	542.831.418.466
- Lãi vay, lãi trái phiếu, lãi hợp tác đầu tư	407.163.394.294	449.974.893.555
- Tạm trích chi phí giá vốn xây dựng	103.019.568.502	42.524.071.999
- Chi phí phải trả khác	42.199.488.643	50.332.452.912
b. Dài hạn	-	-
Cộng	552.382.451.439	542.831.418.466

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngày 30/06/2023	Ngày 01/01/2023
a. Ngắn hạn	3.589.113.026.068	1.916.981.921.631
- Tài sản thừa chờ xử lý	40.402.115	40.402.115
- BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	3.224.997.843	939.138.798
- Nhận ký cược, ký quỹ	11.210.293.838	600.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.574.637.332.272	1.915.402.380.718
+ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thiên Như Ý (1)	787.840.153.385	745.944.328.768
+ Công ty Cổ phần Thương mại Vũ Tuấn	-	350.000.000.000
+ Công ty Cổ phần TV Thiết kế xây dựng Tâm Nhìn Mới (2)	1.425.000.000.000	-
+ Khác	1.361.797.178.887	819.458.051.950
b. Dài hạn	4.047.245.730.171	6.547.555.089.529
- Nhận ký cược, ký quỹ	41.687.310.000	41.460.282.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.005.558.420.171	6.506.094.807.529
+ Công ty Cổ phần BCG Land Gateway (3)	490.525.000.000	490.525.000.000
+ Công ty Cổ phần Skylar Flagship (4)	285.398.000.000	420.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Daffodils (5)	275.935.000.000	350.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Chí Thủy (6)	750.000.000.000	750.000.000.000
+ Công ty Cổ phần TV Thiết kế xây dựng Tâm Nhìn Mới (2)	-	1.425.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Dịch Vụ Thương Mại Phương Nam (7)	750.000.000.000	750.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Mega Solar (8)	387.167.000.000	387.167.000.000
+ Khác	1.066.533.420.171	1.933.402.807.529

c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán

Ghi chú:

(1) Khoản phải trả theo Hợp đồng số 2908/2022/HĐ-HTĐT/TNY-CASA ngày 29/08/2022 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort và Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thiên Như Ý nhằm hợp tác phát triển dự án bất động sản tại TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định với tổng vốn góp dự kiến là 820 tỷ đồng. Thời hạn hợp tác là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận được xác định theo kết quả kinh doanh của dự án nhưng không thấp hơn lãi suất theo thỏa thuận của hai bên.

(2) Khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HTKD/BCG-TNM ngày 20/04/2022 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết Kế Xây Dựng Tâm Nhìn Mới về việc tìm dự án năng lượng điện mặt trời và điện gió, dự án bất động sản tiềm năng trên địa bàn Việt Nam.

(3) Khoản phải trả theo các hợp đồng:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 230601/2021/HTKD/GATEWAY-DT1 ngày 23/06/2021 giữa Công ty Cổ phần BCG Land Gateway và Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1. Số tiền hợp tác là 300 tỷ đồng, lợi nhuận được phân chia theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 230601/2021/HTKD/GATEWAY-DT2 ngày 23/06/2021 giữa Công ty Cổ phần BCG Land Gateway và Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2. Số tiền hợp tác là 190,525 tỷ đồng, lợi nhuận được phân chia theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án.

18. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(4) Khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh 29.11/2021/HĐ-HTĐT/DT1- SL ký ngày 29/11/2021 giữa Công ty Cổ phần Skylar Flagship và Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 nhằm hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 1. Lợi nhuận được phân chia theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án.

(5) Khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1506/2021/HĐ-HTĐT ngày 15/06/2021 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort và Công ty Cổ phần Daffodils, nhằm hợp tác phát triển dự án bất động sản tại Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định với tổng số tiền hợp tác là 600.000.000.000 đồng. Thời gian hợp tác là 04 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận được xác định theo kết quả kinh doanh của dự án nhưng không thấp hơn lãi suất theo thỏa thuận của hai bên.

(6) Khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 25.04/2022/HĐ-HTĐT ngày 25/04/2022, Phụ lục số PL01/25.04/2022/HĐ-HTĐT và PL01/25.04/2022/HĐ-HTĐT giữa Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy. Mục đích đầu tư vào Dự án KDC Tổ 5, Phường Nghĩa Phú, tỉnh Đắk Nông. Thời gian thực hiện 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

(7) Khoản phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 25.02/2022/HĐ-HTĐT/PN-PMT ngày 25/02/2022 giữa Công ty con - Công ty TNHH Phoenix Mountain và Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Dịch Vụ Thương Mại Phương Nam với số tiền hợp tác là 750 tỷ đồng. Thời gian hợp tác là 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lợi tức đầu tư là 10,55%/năm.

(8) Khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/10/2022 giữa Công ty Cổ phần BCG Energy và Công ty Cổ phần Mega Solar về việc hợp tác đầu tư Dự án Nhà máy điện gió Điện Biên, Công suất 350 MWp. Thời gian hợp tác đến 25/04/2025. Các bên sẽ phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh theo tỷ lệ góp vốn vào ngày kết thúc hợp đồng hoặc theo thỏa thuận.

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

a. Ngắn hạn

- Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm
- Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm
- Dự phòng dao động lớn

	Ngày 30/06/2023	Ngày 01/01/2023
	342.893.154.840	330.545.000.866
	204.125.010.252	134.594.973.032
	108.996.794.527	168.151.894.608
	29.771.350.061	27.798.133.226

b. Dài hạn

- Dự phòng phải trả khác

	2.234.218.394	1.724.405.975
	2.234.218.394	1.724.405.975

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Ngày 01/01/2023		Trong kỳ		Ngày 30/06/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
a.1 Vay ngắn hạn	2.217.252.000.572	2.217.252.000.572	1.068.065.039.574	1.493.044.313.138	1.792.272.727.008	1.792.272.727.008
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong (1)	687.306.463.974	687.306.463.974	248.106.492.757	671.431.463.976	263.981.492.755	263.981.492.755
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (1)	5.307.840.000	5.307.840.000	9.589.816.000	6.325.582.000	8.572.074.000	8.572.074.000
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (1)	30.600.000.000	30.600.000.000	600.000.000	30.600.000.000	600.000.000	600.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	50.000.000.000	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (1)	191.543.173.463	191.543.173.463	74.077.071.917	15.002.413.743	250.617.831.637	250.617.831.637
- Ngân hàng TMCP Nam Á (1)	300.000.000.000	300.000.000.000	230.000.000.000	529.900.000.000	100.000.000	100.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (1)	44.248.373.819	44.248.373.819	29.140.542.338	49.088.256.499	24.300.659.658	24.300.659.658
- Công ty TNHH Du Lịch Sinh Thái Cồn Bắp	20.000.000.000	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Phương Đông (1)	9.963.275.570	9.963.275.570	2.660.268.958	6.290.275.570	6.333.268.958	6.333.268.958
- Công ty TNHH Sembcorp Energy Việt Nam	641.520.000.000	641.520.000.000	1.080.000.000	-	642.600.000.000	642.600.000.000
- Công ty TNHH Sembcorp Solar Việt Nam	-	-	11.300.000.000	7.000.000.000	4.300.000.000	4.300.000.000
- Leader Energy (Vietnam) Pte. Ltd. (3)	112.622.400.000	112.622.400.000	-	-	112.622.400.000	112.622.400.000
- Ngân hàng TMCP An Bình (4)	-	-	300.000.000.000	-	300.000.000.000	300.000.000.000
- Các đối tượng khác	124.140.473.746	124.140.473.746	161.510.847.604	107.406.321.350	178.245.000.000	178.245.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023**20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Ngày 01/01/2023		Trong kỳ		Ngày 30/06/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tổng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)						
a.2 Vay dài hạn đến hạn trả	719.455.444.880	719.455.444.880	565.661.305.992	502.776.141.673	782.340.609.199	782.340.609.199
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	178.350.000	178.350.000	-	89.175.000	89.175.000	89.175.000
- Ngân hàng TMCP Nam Á	126.429.435.424	126.429.435.424	143.341.745.796	101.428.256.252	168.342.924.968	168.342.924.968
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	123.847.633.460	123.847.633.460	34.517.155.205	87.687.300.315	70.677.488.350	70.677.488.350
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	273.122.500.000	273.122.500.000	250.200.000.000	118.167.460.603	405.155.039.397	405.155.039.397
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	30.800.000.000	30.800.000.000	15.400.000.000	15.400.000.000	30.800.000.000	30.800.000.000
- Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam-CN TP.HCM	271.144.000	271.144.000	135.572.000	135.572.000	271.144.000	271.144.000
- Công ty TNHH Du Lịch Sinh Thái Cần Báp	105.700.000.000	105.700.000.000	-	105.700.000.000	-	-
- Ngân hàng TNHH Indovina	59.106.381.996	59.106.381.996	14.776.595.499	73.882.977.495	-	-
- Công ty TNHH MTV Tài Chính Toyota Việt Nam	-	-	570.799.992	285.400.008	285.399.984	285.399.984
- DBS Bank Ltd, Singapore	-	-	106.719.437.500	-	106.719.437.500	106.719.437.500
a.3 Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	31.176.173.260	31.176.173.260	8.000.000.000	37.657.584.666	1.518.588.594	1.518.588.594
- Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV-SuMi TRUST - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh	2.030.977.260	2.030.977.260	-	1.084.986.666	945.990.594	945.990.594
- Ngân hàng TMCP Phát Triển Tp.Hồ Chí Minh (15)	29.145.196.000	29.145.196.000	8.000.000.000	36.572.598.000	572.598.000	572.598.000
Cộng	2.967.883.618.712	2.967.883.618.712	1.641.726.345.566	2.033.478.039.477	2.576.131.924.801	2.576.131.924.801



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Ngày 01/01/2023		Trong kỳ		Ngày 30/06/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
b.1 Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (5)	4.428.626.053.616	4.428.626.053.616	2.325.382.861.487	2.172.390.063.907	4.581.618.851.196	4.581.618.851.196
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (6)	237.800.000	237.800.000	-	-	237.800.000	237.800.000
- Ngân hàng TMCP Nam Á (7)	93.741.745.796	93.741.745.796	236.700.000.000	212.091.745.796	118.350.000.000	118.350.000.000
- Ngân hàng TNHH Indovina	620.617.005.353	620.617.005.353	-	620.617.005.353	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (8)	2.027.661.436.696	2.027.661.436.696	372.481.666.343	258.800.000.000	2.141.343.103.039	2.141.343.103.039
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (9)	33.338.523.142	33.338.523.142	-	15.400.000.000	17.938.523.142	17.938.523.142
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong (10)	1.087.260.450.936	1.087.260.450.936	-	500.381.581.065	586.878.869.871	586.878.869.871
- Ngân hàng TMCP Phát Triển Tp. Hồ Chí Minh	368.886.061.693	368.886.061.693	-	368.886.061.693	-	-
- Công ty TNHH MTV Tài Chính Toyota Việt Nam (11)	-	-	2.246.066.672	-	2.246.066.672	2.246.066.672
- Công ty TNHH Du Lịch Sinh Thái Cồn Bắp	80.000.000.000	80.000.000.000	-	80.000.000.000	-	-
- DBS Bank Ltd., Singapore (12)	-	-	1.708.585.128.472	-	1.708.585.128.472	1.708.585.128.472
- Các đối tượng khác	116.130.000.000	116.130.000.000	5.370.000.000	116.130.000.000	5.370.000.000	5.370.000.000
b.2 Nợ thuế tài chính dài hạn						
- Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV Suanri Trust - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (13)	7.680.620.547	7.680.620.547	7.512.484.292	2.127.459.598	13.065.645.241	13.065.645.241
- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (14)	4.142.020.506	4.142.020.506	-	156.793.296	3.985.227.210	3.985.227.210
- Ngân hàng TMCP Phát Triển Tp. HCM (15)	381.752.000	381.752.000	-	-	381.752.000	381.752.000
- Công ty Thuê Tài Chính TNHH BIDV (16)	2.343.416.041	2.343.416.041	-	560.375.202	1.783.040.839	1.783.040.839
- Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- CN TP. HCM (17)	813.432.000	813.432.000	-	135.572.000	677.860.000	677.860.000
Cộng	4.436.306.674.163	4.436.306.674.163	2.332.895.345.779	2.174.517.523.505	4.594.684.496.437	4.594.684.496.437



20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Ngày 01/01/2023		Ngày 30/06/2023			
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
c. Trái phiếu thường						
c.1 Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	67.636.791.580			4.493.910.569.363		
- Trái phiếu chuyển đổi không thực hiện quyền (18)	67.636.791.580	7,0%	3 năm	17.632.791.580	10,0%	3 năm
- Loại phát hành theo mệnh giá (22)	-			999.444.444.444	14,0%	3 năm
+ Mã trái phiếu là EBCCCH2124002				1.000.000.000.000		
+ Chi phí phát hành trái phiếu				(555.555.556)		
- Loại phát hành theo mệnh giá (23)	-			978.083.333.337	14,0%	3 năm
+ Mã trái phiếu EBCCCH2124003				979.000.000.000		
+ Chi phí phát hành trái phiếu				(916.666.663)		
- Loại phát hành theo mệnh giá (24)	-			2.498.750.000.002	11,0%	3 năm
+ Mã trái phiếu BCLICH2124001				2.500.000.000.000		
+ Chi phí phát hành trái phiếu				(1.249.999.998)		
c.2 Trái phiếu dài hạn	7.251.460.977.778			2.261.162.466.665		
- Loại phát hành theo mệnh giá (19)	497.141.666.663	11,5%	5 năm	497.491.666.661	11,5%	5 năm
+ Mã trái phiếu BCG122006	500.000.000.000			500.000.000.000		
+ Chi phí phát hành trái phiếu	(2.858.333.337)			(2.508.333.339)		
- Loại phát hành theo mệnh giá - Mã trái phiếu TCDDH2124002 (20)	500.000.000.000	11,5%	3 năm	300.000.000.000	11,55%	3 năm
- Loại phát hành theo mệnh giá (21)	972.708.200.000	11,0%	5 năm	976.170.800.000	11,0%	5 năm
+ Mã trái phiếu TCDH2227002	990.000.000.000			990.000.000.000		
+ Chi phí phát hành trái phiếu	(17.291.800.000)			(13.829.200.000)		
- Loại phát hành theo mệnh giá (22)	999.111.111.111	14,0%	3 năm	-		
+ Mã trái phiếu là EBCCCH2124002	1.000.000.000.000					
+ Chi phí phát hành trái phiếu	(888.888.889)					
- Loại phát hành theo mệnh giá (23)	1.284.583.333.336	14,0%	3 năm	-		
+ Mã trái phiếu EBCCCH2124003	1.286.000.000.000					
+ Chi phí phát hành trái phiếu	(1.416.666.664)					
- Loại phát hành theo mệnh giá (24)	2.497.916.666.668	11,0%	3 năm	-		
+ Mã trái phiếu BCLICH2124001	2.500.000.000.000					
+ Chi phí phát hành trái phiếu	(2.083.333.332)					
- Loại phát hành theo mệnh giá (25)	500.000.000.000	13,0%	5 năm	487.500.000.004	13,0%	5 năm
Cộng	7.319.097.769.358			6.755.073.036.028		

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

Chỉ tiết số dư cuối kỳ kế toán tại ngày 30/06/2023 của các khoản vay và nợ thuế tài chính được trình bày như sau:

(1) Khoản vay từ các Ngân hàng thương mại theo các Hợp đồng tín dụng của Công ty và các Công ty con, các khoản vay được rút bằng đồng Việt Nam hoặc đồng Đô la Mỹ, dùng để bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo là nhà xưởng, máy móc thiết bị, kho bãi phải thu đã hình thành luân chuyển và tiền gửi có kỳ hạn thuộc sở hữu của các Công ty con và tài sản của bên thứ ba (Xem Thuyết minh V.01, V.04 và V.10).

(2) Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng vay ngày 10/01/2022 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy và Công ty TNHH Sembcorp Energy Việt Nam, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 8%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản của các bên bảo lãnh chi tiết như sau:

Bên bảo lãnh

Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy

Tài sản thế chấp

Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đồng Thành 1

Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đồng Thành 2

Tất cả tài khoản ngân hàng của Công ty bao gồm các tài khoản tại Ngân hàng TMCP Nam Á, Ngân hàng TMCP Phương Đông, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Công ty Cổ phần BCG Energy

Công ty TNHH Điện gió Đồng Thành 1

Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đồng Thành 1

Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đồng Thành 2

Tất cả tài sản thuộc Dự án Điện gió Đồng Thành 1

Tất cả giấy tờ pháp lý liên quan đến Dự án

Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á và Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam

Công ty TNHH Điện gió Đồng Thành 2

Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Điện gió Đồng Thành 2

Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á và Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam

Công ty Cổ phần Điện gió Khai Long 1

Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Điện gió BCG Khai Long 1

Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á

Công ty Cổ phần Điện gió Khai Long 2

Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Điện gió BCG Khai Long 2

Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á

Công ty Cổ phần Điện gió Khai Long 3

Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Điện gió BCG Khai Long 3

Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á



20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

Bên bảo lãnh

Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng

Tài sản thế chấp

Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Điện gió BCG Sóc Trăng 1

Các tài khoản ngân hàng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Nam Á, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP A Châu, Ngân hàng TMCP Phương Đông

Ông Nguyễn Hồ Nam

5 triệu cổ phiếu trong Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital

Ông Phạm Minh Tuấn

2,369 triệu cổ phiếu trong Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital

(3) Khoản vay tín chấp của Công ty con - Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhân Năng Lượng Xanh để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay là 01 năm, lãi suất 10,5%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(4) Khoản vay ngắn hạn của Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải với số tiền vay là 300 tỷ đồng để bổ sung vốn thực hiện hợp đồng thi công xây dựng. Thời hạn cho vay tối đa là 6 tháng và lãi suất được quy định theo tăng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Nam Á.

(5) Đây là khoản vay trung hạn của Công ty con - Công ty Cổ phần Thành Phúc ("Thành Phúc") theo Hợp đồng tín dụng số 4603-LAV-202201817 ngày 21/06/2022. Khoản vay được rút bằng đúng Việt Nam, thời hạn vay 05 năm, trả gốc định kỳ 06 tháng/lần, lãi suất 9%/năm, trả lãi theo từng quý. Khoản vay được đảm bảo bằng máy móc của Công ty Thành Phúc.

(6) Khoản vay dài hạn của Công ty để mua xe ô tô. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải của Công ty (xem Quyết định V.10).



20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (7) Khoản vay dài hạn của Công ty con - Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas bằng Đồng Việt Nam với tổng hạn mức vay là 600 tỷ đồng nhằm mục đích đầu tư dự án bất động sản tại Tỉnh Quảng Nam, có thời hạn 36 tháng kể từ ngày giải ngân và chịu lãi suất theo tăng lãi ngân hàng và chịu lãi suất theo tăng lãi ngân hàng và tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trong tương lai thuộc dự án này.
- (8) Bao gồm các Hợp đồng vay dài hạn của các Công ty con với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam:
- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam của Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng Lương Sạch. Hạn mức tín dụng là 2.623 tỷ đồng để thanh toán chi phí đầu tư Dự án Điện mặt trời Phú Mỹ - Giai đoạn 1. Thời hạn vay 126 tháng, lãi suất được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND công bố biên độ tối thiểu 4%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ Dự án (xem Thuyết minh V.10).
- Khoản vay bằng Đồng Việt Nam của Công ty Cổ phần BCG Land với hạn mức vay là 6 tỷ đồng nhằm mục đích thanh toán các chi phí liên quan đến 2 xe ô tô, lãi suất được xác định bằng lãi suất cơ bản cộng (+) biên độ tối thiểu 4%/năm với thời hạn 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải theo Hợp đồng thế chấp động sản số 14/2022/HĐĐB/NHCT944-BCGLAND ngày 29 tháng 04 năm 2022 (xem Thuyết minh V.10).
- Khoản vay của Công ty TNHH Du lịch Sưu thái Cồn Bắp với hạn mức vay là 400 tỷ đồng nhằm mục đích thanh toán công nợ dự án với thời hạn 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh theo tăng hoặc giảm lãi suất theo thời hạn 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ Quyền sử dụng đất thuộc một dự án tại Thành phố Hội An ("Dự án"), tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Dự án và các tài sản khác đủ điều kiện nhận bảo đảm theo quy định.
- (9) Bao gồm các Hợp đồng vay dài hạn của các Công ty con với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng:
- Khoản vay của Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng nhằm mục đích đầu tư dự án bất động sản tại TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, có thời hạn 48 tháng kể từ ngày giải ngân và chịu lãi suất theo tăng (lần nhận nợ). Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất thuộc dự án và toàn bộ phần vốn góp của các cổ đông Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort.
- Khoản vay của Công ty Cổ phần Skylar nhằm đầu tư Dự án điện năng lượng mặt trời. Thời hạn vay 84 tháng, lãi suất được quy định theo tăng hoặc giảm lãi suất theo tăng hoặc giảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp toàn bộ tài sản liên quan của Dự án (xem Thuyết minh V.10).
- (10) Bao gồm các Hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Tiên Phong:
- Khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong với hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng. Tài sản đảm bảo là toàn bộ quyền và tài sản trong lai phát sinh từ Dự án nâng cấp, mở rộng DT 830 và DT 824 từ cầu An Thạnh đến thị trấn Đức Hòa, Tỉnh Long An và Hợp đồng cho vay kèm thế chấp xe ô tô với thời hạn cho vay 72 tháng.
- Khoản vay của Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long theo Hợp đồng vay dài hạn số 69/2020/HĐĐB/TTKHDNL MN2/01 ngày 14/01/2021 với hạn mức vay 710 tỷ đồng. Mục đích vay: tài trợ chi phí đầu tư Dự án Nhà máy điện mặt trời VNECO Vĩnh Long tại Cụm CN Trung Nghĩa, ấp Phú Tân và ấp Phú Án, Xã Trung Nghĩa, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long. Thời hạn vay 180 tháng. Lãi suất theo tăng hoặc giảm lãi suất theo thời hạn 60 tháng. Hợp đồng vay được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp bằng máy móc thiết bị hình thành của Dự án số 69/2020/HĐĐB/TTKHDNL MN2/01 và 69/2020/HĐĐB/TTKHDNL MN2/02 ngày 14/01/2021.



20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(11) Khoản vay dài hạn của Công ty con - Công ty Taxi Việt Nam theo chương trình tín dụng CP1909CO để mua xe ô tô. Thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo là xe ô tô hình thành từ vốn vay.

(12) Khoản vay dài hạn nước ngoài giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Gaia và DBS Bank Ltd., Singapore. Giá trị khoản vay 77.500.000 USD được giải ngân toàn bộ vào 06/06/2023. Mục đích vay để tài trợ cho các dự án, hợp đồng hợp tác kinh doanh. Thời hạn khoản vay 12 năm. Gốc + lãi thanh toán 03 tháng/lần. Ngày trả gốc + lãi đầu tiên là 15/08/2023. Đồng tiền trả nợ gốc + lãi là USD. Lãi là lãi kép tích lũy với lãi suất bằng tổng phần trăm hàng năm của lãi biến và lãi suất tham chiếu kép (= SOFR + 2,9%). Khoản vay được thế chấp bằng những tài sản chi tiết sau:

Bên bảo lãnh

Công ty Cổ phần BCG Energy

Công ty Cổ phần BCG Gaia

Công ty Cổ phần Bamboo Capital

Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương

Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương

Công ty TNHH Sembcorp Energy Việt Nam

Ông Phạm Minh Tuấn

Bà Phạm Thị Hoàng Châu

Tài sản thế chấp

Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG Gaia

Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương

Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương

Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương

Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương

Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng DBS

Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương

Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương

Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng DBS

Toàn bộ bất động sản thuộc Dự án

Tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ Dự án

Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng DBS

Toàn bộ động sản thuộc Dự án

Tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ Dự án

Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG Gaia

Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG Gaia

Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG Gaia



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(13) Bao gồm các Hợp đồng thuê tài chính với Công ty Cho Thuê Tài chính TNHH BIDV-SuMi TRUST:

- Khoản thuê tài chính của Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải để mua xe ô tô. Số tiền vay và thời hạn vay được xác định theo từng hợp đồng.
 - Khoản thuê tài chính của Công ty con - Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA để mua xe ô tô, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 8.5%/năm trong 6 tháng đầu, sau đó là Lãi suất tham chiếu.
- (14) Khoản vay dài hạn của Công ty con - Công ty Taxi Việt Nam để thuê xe ô tô phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty con. Thời hạn vay và lãi suất được quy định theo từng hợp đồng cho thuê tài chính. Tài sản đảm bảo là khoản tiền ký cược bảo đảm có giá trị tại 30/06/2023 là 513.650.000 đồng.
- (15) Khoản vay của Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải để thanh toán mua xe ô tô, thời hạn vay 60 tháng. Tài sản đảm bảo là ô tô hình thành từ vốn vay thuộc sở hữu của Công ty.
- (16) Đây là khoản nợ thuê tài chính giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Tapiosek và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 21821000398/HDC TTC. Thời hạn cho thuê 36 tháng. Lãi suất thuê 7%/năm. Tài sản đảm bảo là khoản tiền ký cược bảo đảm có giá trị tại 30/06/2023 là 325.835.186 đồng.
- (17) Đây là khoản thuê tài chính của Công ty con - Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy theo hợp đồng CTC số 63.22.07/CTTC ký ngày 25/10/2022, thời hạn vay 04 năm.
- (18) Số dư thể hiện phần còn phải trả trái chủ (Hamwha Energy Corporation Singapore Pte. Ltd.) liên quan đến việc phát hành riêng lẻ 1.157.500 trái phiếu chuyển đổi của Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Energy với mã là BOND/BE/2019.01, theo Hợp đồng ngày 13 tháng 08 năm 2019, đã đáo hạn vào ngày 04 tháng 09 năm 2022. Theo đó, Công ty Cổ phần BCG Energy và Hamwha Energy Corporation Singapore Pte. Ltd. đã ký thỏa thuận gia hạn thanh toán trái phiếu này đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 và tại thời điểm đáo hạn trước đó Hamwha Energy Corporation Singapore Pte. Ltd đã không thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu. Lãi suất áp dụng là 10%/năm và việc gia hạn này được đảm bảo thanh toán bằng 16.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital.
- Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty Cổ phần BCG Energy đã quá hạn phải trả số tiền là 840.000 USD, tương đương với 17.632.791.580 đồng với Hamwha Energy Corporation Singapore Pte. Ltd., theo thỏa thuận gia hạn kỳ trước trước đó. Sau đó, Công ty Cổ phần BCG Energy đã đàm phán về việc gia hạn nợ và thanh toán hết vào ngày 31 tháng 07 năm 2023.
- (19) Trái phiếu chào bán ra công chúng và đã được niêm yết tại Sàn chứng khoán HNX với Mã trái phiếu là BCG122006. Mệnh giá: 100.000 đồng/Trái phiếu. Kỳ hạn trái phiếu: 5 năm. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, và không có đảm bảo. Trái phiếu có lãi suất cố định và lãi suất thả nổi được xác định như sau : 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 11.5%/năm. Các kỳ tính lãi tiếp theo sau 2 kỳ tính lãi đầu tiên là lãi suất thả nổi được xác định theo công thức như sau: Lãi suất = lãi suất tham chiếu tại kỳ tính lãi đó + biên độ 6%/năm.

(20) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội làm đại lý lưu ký. Mã trái phiếu là TCDH2124002, số lượng 500.000 trái phiếu, mệnh giá: 1.000.000 đồng/trái phiếu, thời hạn trái phiếu là 36 tháng. Loại hình trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo. Mục đích phát hành để tăng quy mô vốn cụ thể là nâng cao năng lực, tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng và bất động sản. Trong kỳ, thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Công ty đã thực hiện mua lại 200.000 trái phiếu trước hạn.



20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (21) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tư vấn phát hành và đại lý lưu ký. Mã trái phiếu là TCDH2227002, số lượng 9.900 trái phiếu, mệnh giá: 100.000.000 đồng/ trái phiếu, thời hạn trái phiếu là 60 tháng. Loại hình trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo. Mục đích phát hành để cơ cấu lại nợ của Công ty.
- (22) Trái phiếu phát hành riêng lẻ do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành. Mã trái phiếu là EBCCCH2124002, phát hành từ ngày 26 tháng 4 năm 2021. Mệnh giá là 100.000.000 đồng/trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng 33.000.000 cổ phần của các cổ đông Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 và toàn bộ quyền, lợi ích phát sinh từ và liên quan đến dự án Nhà máy Điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1. Mục đích phát hành để đầu tư phát triển dự án Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1 do Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 làm chủ đầu tư.
- (23) Trái phiếu phát hành riêng lẻ do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành. Mã trái phiếu là EBCCCH2124003, phát hành từ ngày 24 tháng 5 năm 2021. Mệnh giá là 100.000.000 đồng/trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng 33.000.000 cổ phần của các cổ đông Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 và toàn bộ quyền, lợi ích phát sinh từ và liên quan đến dự án Nhà máy Điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1. Mục đích phát hành để đầu tư phát triển dự án Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1 do Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 làm chủ đầu tư.
- (24) Trái phiếu phát hành theo mệnh giá bằng Đồng Việt Nam nhằm mục đích hợp tác đầu tư và/hoặc đầu tư phát triển dự án bất động sản tại Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh. Tổng mệnh giá là 2.500.000.000 đồng, kỳ hạn 36 tháng. Lãi suất trong bốn 04 kỳ tính lãi đầu tiên là 11%/năm, sau đó lãi suất được xác định bằng lãi suất tham chiếu công bố tại ngày xác định lãi suất có liên quan cộng (+) biến độ 4%/năm nhưng không thấp hơn 11%/năm. Kỳ tính lãi bù 03 tháng/lần.
- Khoản trái phiếu này được đảm bảo bằng cổ phần thuộc sở hữu của bên thứ ba tại công ty sở hữu dự án bất động sản tại Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh; toàn bộ nguồn thu cũng tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ và/hoặc có liên quan đến dự án; quyền sử dụng đất của khu vực đất thực hiện dự án.
- (25) Trái phiếu phát hành riêng lẻ do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành. Mã trái phiếu là TNECH2227001, phát hành từ ngày 09 tháng 12 năm 2022 có mệnh giá là 100.000.000 đồng/trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền tài sản của dự án Krong Pa 2 thuộc sở hữu của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên và các Hợp đồng thế chấp có phần của các cá nhân, tổ chức góp vốn tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên và 19.284.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital thuộc sở hữu của (các) cá nhân/tổ chức khác. Mục đích phát hành là tăng quy mô vốn hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU***a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại 01/01/2022	2.975.371.740.000	(233.004.000)	21.404.860.000	463.478.572	3.908.270.221	571.767.743.807	4.776.881.493.993	8.349.564.582.593
- Tăng vốn	2.057.682.630.000	867.249.426.000	-	-	-	-	-	2.924.932.056.000
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	518.728.701.851	327.090.388.151	845.819.090.002
- Tăng/(giảm) do hợp nhất Công ty con	-	-	-	915.624	595.325	200.114.936.904	1.472.726.812.047	1.672.843.259.900
- Cổ tức đã chia tại công ty con	-	-	-	-	-	-	(100.143.259.767)	(100.143.259.767)
- Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	-	-	-	-	(1.931.707.840)	(5.549.033.215)	(7.480.741.055)
Số dư tại 30/06/2022	5.033.054.370.000	867.016.422.000	21.404.860.000	464.394.196	3.908.865.546	1.288.679.674.722	6.471.006.401.209	13.685.534.987.673
Số dư tại 01/01/2023	5.334.676.220.000	866.926.422.000	21.404.860.000	464.287.634	3.908.796.261	426.546.946.425	7.145.199.257.700	13.799.126.790.020
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	133.809.008.053	41.867.859.995	175.676.868.049
- Tăng/(giảm) do hợp nhất Công ty con	-	-	189.300.650.000	(69.555.749)	(45.224.045)	(217.775.625.057)	902.560.901.899	873.971.147.048
- Cổ tức đã chia tại công ty con	-	-	-	-	-	-	(235.853.099.892)	(235.853.099.892)
- Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	-	-	-	-	(2.416.343.399)	(8.592.619.516)	(11.008.962.915)
Số dư tại 30/06/2023	5.334.676.220.000	866.926.422.000	210.705.510.000	394.731.885	3.863.572.216	340.163.986.022	7.845.182.300.186	14.601.912.742.309



21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Ngày 30/06/2023</u>	<u>Ngày 01/01/2023</u>
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	5.334.676.220.000	5.334.676.220.000
Cộng	<u>5.334.676.220.000</u>	<u>5.334.676.220.000</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</u>	<u>Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022</u>
- <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
+ Vốn góp đầu kỳ	5.334.676.220.000	2.975.371.740.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	2.057.682.630.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	5.334.676.220.000	5.033.054.370.000
- <i>Cổ tức lợi nhuận đã chia</i>	-	-

d. Cổ phiếu

	<u>Ngày 30/06/2023</u>	<u>Ngày 01/01/2023</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	533.467.622	533.467.622
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	533.467.622	533.467.622
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	533.467.622	533.467.622
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	533.467.622	533.467.622
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	533.467.622	533.467.622

* *Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.*

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>Ngày 30/06/2023</u>	<u>Ngày 01/01/2023</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	3.863.572.216	3.908.796.261
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	394.731.885	464.287.634

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	<u>Ngày 30/06/2023</u>	<u>Ngày 01/01/2023</u>
<i>a. Ngoại tệ các loại</i>		
- Đô la Mỹ (USD)	67.400,71	92.299,73
- Đồng Euro (EUR)	606,95	760,49
<i>b. Nợ khó đòi đã xử lý</i>	209.235.971.936	142.153.182.019

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

a. Doanh thu

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
- Doanh thu cung cấp hàng hoá, thành phẩm	1.353.869.109.355	1.544.069.879.135
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	134.319.274.834	129.103.993.710
- Doanh thu hoạt động xây dựng	198.735.579.132	400.974.410.944
- Doanh thu bảo hiểm	191.572.543.768	101.777.947.737

b. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
- Hàng bán bị trả lại	952.902.547	-
- Hoàn, giảm, nhượng tài bảo hiểm	62.008.185.722	42.069.941.054

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	868.105.974.414	917.260.882.739
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	42.479.970.670	46.859.227.726
- Giá vốn hoạt động xây dựng	173.935.633.829	264.540.654.818
- Giá vốn bảo hiểm	109.049.207.367	79.776.209.461

Cộng

1.193.570.786.280 1.308.436.974.744

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
- Lãi tiền gửi, lãi cho vay	112.855.861.656	88.117.445.835
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.883.760.000	-
- Lãi hợp nhất kinh doanh	11.077.507.702	247.571.762.570
- Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	111.554.342.561	619.336.110.860
- Lãi phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư	872.395.511.853	783.945.349.025
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	109.217.402	6.619.859.010
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	238.796.025	345.906.331
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	290.419.435	-

Cộng

1.115.405.416.634 1.745.936.433.631

5011726
CÔNG TY
TNHH
CH VỤ TƯ
CHÍNH KẾ
VÀ KIỂM TÍNH
PHIÊN BẢN
T.P.HỒ

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>	<i>Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022</i>
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	810.599.033.209	700.518.998.975
- (Hoàn nhập)/ Dự phòng đầu tư tài chính	67.855.732	386.790.238
- Lỗ đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	-	12.407.778.934
- Chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư	398.910.083.717	395.663.740.052
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.512.756.663	5.777.424.526
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	24.309.543.640	31.809.571.691
- Chi phí tài chính khác	49.788.021.317	61.438.281.841
Cộng	1.285.187.294.278	1.208.002.586.257

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>	<i>Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022</i>
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	96.470.400.392	109.027.711.393
- Chi phí nhân viên	2.732.756.341	2.515.253.806
- Chi phí vật liệu, bao bì	289.420.164	426.096.546
- Chi phí đồ dùng, dụng cụ	8.090.103	30.486.882
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.160.001	3.910.002
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.286.829.013	102.643.369.150
- Chi phí bằng tiền khác	51.128.144.770	3.408.595.007
b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	190.283.937.675	236.637.009.440
- Chi phí nhân viên	92.080.631.531	90.898.754.564
- Chi phí vật liệu quản lý	1.591.901.310	2.236.925.299
- Chi phí đồ dùng văn phòng	2.978.940.272	2.569.517.352
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.188.507.277	7.548.632.186
- Thuế, phí và lệ phí	3.987.737.348	4.115.829.579
- Dự phòng / (hoàn nhập dự phòng)	1.893.824.869	12.335.826
- Phân bổ lợi thế thương mại	29.882.454.069	49.234.883.135
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.259.714.289	56.451.117.463
- Chi phí khác bằng tiền	22.420.226.710	23.569.014.036

6. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>	<i>Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022</i>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	208.381.175.669	268.448.410.195
- Chi phí nhân viên	135.286.679.402	125.718.854.929
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	248.014.030.606	238.942.906.546
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	631.868.093.461	1.170.096.189.699
- Chi phí bằng tiền khác	85.235.311.178	107.759.230.285
Cộng	1.308.785.290.316	1.910.965.591.654

7. THU NHẬP KHÁC

	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>	<i>Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022</i>
- Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.204.976.103	284.969.173
- Lãi mua rẻ Công ty con	177.324.298	18.500.491.794
- Tiền phạt vi phạm hợp đồng	22.563.013.699	-
- Các khoản khác	12.495.754.781	12.207.165.194
Cộng	36.441.068.881	30.992.626.161

8. CHI PHÍ KHÁC

	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>	<i>Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022</i>
- Tiền phạt, tiền thuế khác phải đóng do vi phạm hành chính	6.334.625.937	785.335.554
- Các khoản khác	4.342.132.005	7.829.692.791
Cộng	10.676.757.942	8.615.028.345

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>	<i>Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022</i>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	228.998.117.538	1.032.725.900.004
+ Các khoản điều chỉnh tăng / (giảm) lợi nhuận tính thuế	176.079.732.141	(499.171.169.195)
- Tổng thu nhập chịu thuế	405.077.849.679	533.554.730.809
+ Lãi từ các năm trước chuyển sang	(113.672.528.410)	(11.034.154.534)
+ Thu nhập được ưu đãi	(106.163.472.687)	(73.410.638.949)
- Tổng thu nhập tính thuế	185.241.848.582	449.109.937.326
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	55.129.658.590	247.288.999.595
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	54.918.497.639	247.288.999.595
+ Khoản thuế truy thu, nộp bổ sung	211.160.951	-

10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>	<i>Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022</i>
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	21.263.101.357
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.644.045.928	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(4.452.455.029)	(74.391.823.215)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(7.253.467.735)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(1.808.409.101)	(60.382.189.593)

11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>	<i>Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	133.809.008.053	518.728.701.851
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	533.467.622	453.170.822
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	251	1.145

12. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>	<i>Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	133.809.008.053	518.728.701.851
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	533.467.622	453.170.822
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	251	1.145

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>	<i>Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022</i>
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành ESOP từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối ở Công ty con	382.625.000.000	-

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng đang được đảm bảo, thế chấp cho các khoản vay

Các khoản tiền và trong tương lai tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 bao gồm 296.440.230.971 đồng đã được bảo đảm, thế chấp cho khoản vay tại các ngân hàng.

3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>	<i>Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022</i>
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	3.108.028.079.912	3.155.148.006.331
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	-	996.791.666.665
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	4.480.965.912	1.074.645.749.258
Cộng	3.112.509.045.824	5.226.585.422.254

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>	<i>Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022</i>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	3.035.353.694.490	2.243.473.865.265
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	1.069.504.000.000	720.000.000.000
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	82.086.987.616	374.605.333.679
Cộng	4.186.944.682.106	3.338.079.198.944

0501172
CÔNG TY
TRÌNH
TÍNH VỤ TỰ
CHÍNH KẾ
VÀ KIỂM TÍNH
PHÍA NÀ
T. P. H. C.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

I. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Các bên liên quan

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Land	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Energy	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Financial	Công ty con
Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	Công ty con
Công ty TNHH Phoenix Mountain	Công ty con
Công ty TNHH MTV Helios Village	Công ty con
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác và Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thương Mại Vxperia	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Sạch	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Skylar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Greensky Infnitive	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Casper Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Cosmos Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Herb Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Orchid Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Violet Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tapiotek	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Giang	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG GAIA	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Nước Sạch Life Purity	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Băng Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Công ty con gián tiếp



I. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

a. Các bên liên quan (Tiếp theo)

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Quan hệ</u>
Công ty Cổ phần TCD Plus	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần E Power 1	Công ty con gián tiếp
Công ty Taxi Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Côn Bắp	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Tracodi E&C	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Skylight Power	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Sơn Long	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH King Crown Riverside Residence	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	Người nội bộ công ty con liên quan
Công ty Cổ phần Mega Solar	Người nội bộ công ty con liên quan
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	Người nội bộ công ty con liên quan
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Người nội bộ công ty con liên quan
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Người nội bộ công ty con liên quan
Group Công ty con của Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Biệt thự Nghỉ đường Mỹ Khê	Người nội bộ công ty con liên quan
Công ty Cổ phần Thăng Phương	Người nội bộ công ty con liên quan
Công ty Cổ phần White Magnolia	Người nội bộ công ty con liên quan
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người công bố thông tin	Ban điều hành



I. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Ngoại trừ các giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong kỳ đã được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, giao dịch với các bên liên quan còn lại là:

Đơn vị	Chỉ tiêu	Số tiền
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	Thu lãi tiền hợp tác kinh doanh	2.130.821.918
	Cung cấp dịch vụ xây lắp	704.403.114
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	Mua dịch vụ xây lắp	10.489.262.895
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	Cung cấp dịch vụ khác	9.047.500.000
	Lãi hợp tác kinh doanh phải trả	21.464.867.957
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	Nhận chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính	20.231.961.000
	Lãi hợp tác kinh doanh phải thu	5.908.534.246
	Lãi trái phiếu	4.215.068.493
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	509.139.394
	Thuê văn phòng	12.896.792.136
Công ty Cổ phần Thăng Phương	Lãi hợp tác kinh doanh phải thu	16.200.858.739
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.445.220.000
	Lãi cho vay	81.106.028
	Lãi hợp tác kinh doanh	235.547.945.200
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.275.000.000
	Cho vay	820.000.000
	Lãi cho vay	31.586.301
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.275.000.000
	Cho vay	1.040.000.000
	Lãi cho vay	10.361.097
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.266.853.000
	Lãi vay	4.657.534
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Chi phí vận hành nhà máy điện	17.112.967.998
	Cổ tức được chia	6.860.000.000
Công ty Cổ phần Mega Solar	Nhận tiền hợp tác kinh doanh	50.770.000.000
	Lãi vay	2.816.815.068
Công ty Cổ phần White Magnolia	Thu nhập lãi từ hợp tác kinh doanh	61.738.356.164
Công ty Cổ phần Biệt thự Nghi đường Mỹ Khê	Thu nhập lãi từ hợp tác kinh doanh	19.844.708.219

01/1/2023
CÔNG TY
TNHH
H VỊ TỰ
HÌNH KẾ
KIỂM TC
PHÍA NAM
T.P.HỒ

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

c. Thu nhập Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác

Họ tên	Chức danh	Số tiền
Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT	348.000.000
Phạm Nguyễn Thiên Chương	Thành viên HĐQT	90.000.000
Bùi Thành Lâm	Thành viên HĐQT	12.000.000
Nguyễn Tùng Lâm	Thành viên HĐQT	482.650.000
Tan Bo Quan, Andy	Thành viên HĐQT	285.480.000
Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	10.000.000
Vũ Xuân Chiến	Thành viên HĐQT	30.000.000
Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc	319.000.000
Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	360.000.000
Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	503.500.000
Hoàng Thị Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc	278.500.000
Phạm Hữu Quốc	Kế toán trưởng	637.240.000
Đông Hải Hà	Trưởng ban kiểm soát	360.000.000
Nguyễn Việt Cường	Thành viên ban kiểm soát	252.440.000
Cộng		3.968.810.000

d. Số dư cuối kỳ với các bên liên quan

Tên đơn vị	Chỉ tiêu	Số tiền
Công ty TNHH B.O.T ĐĐT 830	131	1.410.072.718
	136	913.301.369
	216	40.500.000.000
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	311	23.940.998.669
Công ty Cổ phần Khai Thác Khoáng Sản Bắc Hà	135	6.270.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	255	100.000.000.000
	131	21.733.488
	136	14.685.399.588
	216	120.000.000.000
	337	40.000.000.000
	312	61.536.856.516
	311	16.656.735.010
	337	281.529.250.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	311	20.666.964
	312	961.225.111.302
	319	22.498.935.760
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	131	3.100.000.000
	131	107.800.000
Công ty Cổ phần Thăng Phương	136	477.640.000.000
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	131	1.643.233.900
	319	221.506.849
	320	800.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	131	3.105.801.200
	135	2.710.000.000
	136	2.640.945.241.640
	312	737.579.060.078

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

d. Số dư cuối kỳ với các bên liên quan (Tiếp theo)

Tên đơn vị	Chỉ tiêu	Số tiền
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	131	1.632.000.000
	135	820.000.000
	136	31.586.301
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	131	1.632.000.000
	135	1.040.000.000
	136	10.361.097
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	131	453.600.000
	311	14.563.092.586
	135	85.678.000.000
Công ty Cổ phần Mega Solar	136	215.602.386.435
	319	103.149.900.000
	320	25.500.000.000
	337	387.167.000.000
Công ty Cổ phần White Magnolia	136	839.588.656.164
Công ty Cổ phần Biệt thự nghỉ dưỡng Mỹ Khê	136	10.304.708.219
	216	337.350.000.000
Ông Nguyễn Hồ Nam	312	300.000.000
	319	4.560.000.000
Ông Phạm Minh Tuấn	319	3.325.000.000

Giá trị tài sản của bên liên quan được cam kết để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn

Ông Nguyễn Hồ Nam 5 triệu cổ phiếu trong Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital

Ông Phạm Minh Tuấn 2,369 triệu cổ phiếu trong Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital



2. CÁC CAM KẾT

a. Bảo lãnh

Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land đã cam kết bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho toàn bộ nghĩa vụ thanh toán của các lô trái phiếu phát hành như sau:

Bên được bảo lãnh	Bên nhận bảo lãnh	Ngày văn bản bảo lãnh	Kỳ hạn	Giá trị bảo lãnh
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	21/06/2021	36 tháng	3.000.000.000.000

Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Energy đã cam kết bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho toàn bộ nghĩa vụ thanh toán của các lô trái phiếu phát hành như sau:

Bên được bảo lãnh	Bên nhận bảo lãnh	Ngày văn bản bảo lãnh	Kỳ hạn	Giá trị bảo lãnh
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	08/12/2022	60 tháng	500.000.000.000

b. Cam kết khác

Theo Thư Thỏa thuận Phí Dịch vụ Đại lý ngày 29 tháng 03 năm 2021 và các Phụ lục thay đổi Phí dịch vụ giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land và Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong, Công ty con phải thanh toán khoản tiền phí dịch vụ đại lý theo một tỷ lệ nhất định dựa trên giá trị mệnh giá trái phiếu của lô trái phiếu trị giá 2.500.000.000.000 đồng từ năm lưu hành thứ hai của trái phiếu bắt đầu từ ngày 31 tháng 03 năm 2022.

3. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Bán hàng hoá	Cung cấp dịch vụ	Xây lắp	Bảo hiểm
Doanh thu thuần	1.353.869.109.355	133.366.372.287	198.735.579.132	129.564.358.046
Giá vốn	868.105.974.414	42.479.970.670	173.935.633.829	109.049.207.367
Lợi nhuận gộp	485.763.134.941	90.886.401.617	24.799.945.303	20.515.150.679

4. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCG-BCG GAIA của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần BCG GAIA ("GAIA") về việc tăng vốn điều lệ trong công ty này, GAIA đã phát hành 23.776.296 cổ phần phổ thông cho Công ty Cổ phần BCG Energy với giá 28.487 đồng/cổ phiếu. Tuy nhiên, nếu trong trường hợp nhà đầu tư là Sembcorp Energy Vietnam Project I Pte. Ltd. hoàn tất mua 46.863.500 cổ phần phổ thông và 1.410.616 cổ phần ưu đãi mà GAIA sẽ phát hành thêm trong tương lai thì Công ty Cổ phần BCG Energy có nghĩa vụ sẽ phải thanh toán thêm cho GAIA số tiền là 135.464.997.748 đồng cho số lượng cổ phần đã mua này. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Sembcorp Energy Vietnam Project I Pte. Ltd. đã mua hết số lượng cổ phiếu ưu đãi như trên. Cùng đó, Công ty Cổ phần BCG Energy cũng đã thực hiện cầm trả số tiền phải thanh toán liên quan nghĩa vụ trên với khoản phải thu Công ty Cổ phần BCG GAIA về cho vay theo thỏa thuận cầm trả công nợ ngày 19 tháng 7 năm 2023.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5. NỢ TIỀM TÀNG

Tập đoàn đang có một số hợp đồng thuê đất trực tiếp từ Nhà Nước để phục vụ cho các dự án điện mặt trời và điện gió của Tập đoàn. Căn cứ theo các điều khoản trong hợp đồng thuê đất này, việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc hợp đồng thuê được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn đánh giá rằng nghĩa vụ khôi phục và giải phóng mặt bằng liên quan đến các dự án điện mặt trời và điện gió là chưa chắc chắn.

6. NGHĨA VỤ TÁI CHẾ TẮM QUANG NĂNG

Theo Điều 77 và 78 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn Luật bảo vệ môi trường ("Nghị định") do Chính phủ ban hành ngày 10 tháng 01 năm 2022, Tập đoàn có trách nhiệm tái chế tấm quang năng sử dụng trong các dự án điện mặt trời khi hết thời hạn sử dụng. Theo hướng dẫn của Nghị định, việc tái chế có thể theo các hình thức là tự thực hiện tái chế, thuê đơn vị tái chế để thực hiện tái chế, ủy quyền cho tổ chức trung gian, hoặc có thể kết hợp các hình thức này. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn vẫn chưa xác định được phương thức tái chế cũng như tính toán chi phí cho việc tái chế do Nghị định chưa có hướng dẫn cụ thể.

7. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán và soát xét.

Người lập biểu

Huỳnh Minh Trường

Kế toán trưởng

Phạm Hữu Quốc

Lập, ngày 10 tháng 08 năm 2023

Phó Chủ tịch HĐQT



Phạm Minh Tuấn